

Số: 357 /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 12 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

**Tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030**

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Công văn số 3074/BKHĐT-TCTT ngày 21/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo như sau:

### Phần thứ nhất

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC

### CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2023

## I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

### 1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp và công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện 03 Chương trình

- Mô hình tổ chức hoạt động Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương gồm:

(i) Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (*sau đây viết tắt là Chương trình MTQG*) giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông được UBND tỉnh kiến nghị toàn tại Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 21/12/2021. Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo được phê duyệt tại Quyết định số 722/QĐ-BCĐ ngày 18/4/2022. Đồng thời, 08/08 huyện, thành phố của tỉnh đã kiến nghị toàn, thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện để chỉ đạo, điều hành chung cả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

(ii) Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện:

Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo thành lập 03 Tổ công tác của các Chương trình MTQG, gồm: (1) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập Tổ công tác về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025<sup>1</sup>. Tổ trưởng Tổ công tác là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (2) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập Tổ công tác về Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025<sup>2</sup>. Tổ trưởng Tổ công tác là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; (3) Trưởng Ban Dân tộc quyết định thành lập Tổ công tác về Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030<sup>3</sup>. Tổ trưởng Tổ công tác là Trưởng Ban Dân tộc để giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ về 03 Chương trình MTQG.

Cấp huyện: 08/8 huyện không có Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo mà giao các cơ quan chuyên môn liên quan chủ trì từng Chương trình tham mưu cho Ban Chỉ đạo cấp huyện điều hành Chương trình thuộc lĩnh vực quản lý.

(iii) Thành lập Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn: Ban Quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh đã kịp thời thành lập, kiện toàn để thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn xã.

(iv) Đánh giá vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện; vai trò tổ chức thực hiện của Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn.

Bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG của tỉnh được thành lập, kiện toàn đầy đủ và đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, các thôn, bon, buôn bản của tỉnh. Các thành viên trong Ban chỉ đạo và bộ phận giúp việc các cấp được phân công nhiệm vụ rõ ràng trong việc tham mưu, thực hiện các Chương trình, thuận lợi trong quá trình phối hợp và chỉ đạo triển khai thực hiện; năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu triển khai thực hiện các Chương trình MTQG từng bước nâng cao, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện từng Chương trình.

Mô hình thành lập một Ban Chỉ đạo thống nhất để quản lý, điều hành chung ở các cấp và quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn trong Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình đã giúp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các Sở, ban, ngành và chính quyền ở địa phương trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình. Các cơ quan tham mưu đã kịp thời nắm bắt tình hình để đôn đốc, chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, giải quyết các vướng mắc và tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

<sup>1</sup> Quyết định số 70/QĐ-SNN ngày 25/02/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

<sup>2</sup> Quyết định số 538/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/02/2022 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

<sup>3</sup> Quyết định số 170/QĐ-BDT ngày 23/02/2023 của Trưởng Ban Dân tộc

Tuy nhiên, một số thành viên trong Ban Chỉ đạo ở các cấp đôi lúc chưa thực sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo triển khai thực hiện. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và các địa phương chưa thực sự nhịp nhàng dẫn đến chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện một số nội dung thuộc các Chương trình chưa đạt kết quả cao. Cán bộ ở cấp huyện và cấp xã chủ yếu hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm nên công tác tham mưu còn gặp khó khăn, đặc biệt là công tác tổng hợp báo cáo, tham mưu kế hoạch triển khai thực hiện.

## **2. Khung khổ pháp luật quản lý, điều hành và văn bản hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.**

- Kết quả ban hành văn bản quản lý, điều hành theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022; Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022);

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình MTQG, giữa các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022);

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023);

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023).

+ Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023);

+ Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 25/10/2022);

+ Quyết định của UBND tỉnh ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 18/10/2022);

+ Quyết định của UBND tỉnh ban hành thiết kế mẫu - thiết kế điển hình đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG (Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 03/02/2023) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

+ Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 19/7/2022 về việc đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 Nghị quyết:

Đến nay, tỉnh Đắk Nông còn 03 nhiệm vụ ban hành văn bản theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 chưa hoàn thành; cụ thể: (1) Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình MTQG và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (sẽ dự kiến trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 6 tổ chức vào tháng 7/2023); (2) Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án (dự kiến hoàn thành trong tháng 6/2023); (3) Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình (hiện đang triển khai xây dựng).

### **3. Công tác truyền thông, thông tin về các chương trình mục tiêu quốc gia.**

- Công tác truyền thông, thông tin về các Chương trình MTQG được các cấp ủy Đảng, chính quyền; các Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương trong tỉnh quan tâm triển khai thực hiện; các đơn vị, địa phương đã lồng ghép giữa công tác chuyên môn gắn với tuyên truyền về Chương trình MTQG vào các cuộc họp, hội nghị. Ngoài ra, bằng các hình thức, nội dung tuyên truyền phong phú, đa dạng như: tuyên truyền bằng hình ảnh trực quan thông qua pa nô, áp phích, tờ rơi,...tuyên truyền thông qua các kênh Đài Phát thanh và Truyền hình, cổng thông tin điện tử, trang mạng xã hội đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về Chương trình MTQG. Đồng thời, truyền thông cho các đối tượng thụ hưởng của Chương trình về các tấm gương điển hình, sáng kiến hay, mô hình tiêu biểu nhằm tạo sự lan tỏa trong toàn xã hội, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng.

Nội dung tuyên truyền tập trung vào mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình và các nội dung nhằm cụ thể hóa Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về việc thực hiện 03 Chương trình MTQG. Trong đó, chú trọng các nội dung như: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo, hướng đến giải quyết vấn đề nghèo đói cho mọi người, ở mọi nơi, mọi lúc, mọi chiều thiếu hụt; góp phần đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho người nghèo. Lấy phát triển kinh tế là trọng tâm để giảm nghèo bền vững; chú trọng triển khai các dự án

giảm nghèo nhằm hình thành vùng sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt, tạo động lực phát triển. Chú trọng đào tạo kỹ năng nghề, tạo việc làm, sinh kế bền vững cho người dân, chuyển dịch lao động phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

Phong trào thi đua: “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau giai đoạn 2021-2025”, “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”, “Tuổi trẻ Đăk Nông chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Phụ nữ Đăk Nông chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới”, “Nông dân các dân tộc tỉnh Đăk Nông chung tay xây dựng nông thôn mới” đến nay tiếp tục được diễn ra sôi nổi và rộng khắp trên toàn tỉnh, đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị xã hội và người dân trên địa bàn tỉnh cùng chung tay, tham gia thực hiện từng Chương trình. Thông qua các phong trào thi đua, từ hệ thống chính trị đến mọi người dân đã chủ động, tích cực tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình; từ đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người nghèo, hộ nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, an ninh chính trị được giữ vững, tạo sự lan tỏa trong toàn xã hội.

- Công tác đào tạo tập huấn thực hiện 03 Chương trình MTQG

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Trong thời gian qua, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp đào tạo tập huấn về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các lĩnh vực khác có liên quan<sup>4</sup>. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị địa phương đã chủ động tổ chức các lớp tập huấn, triển khai Chương trình, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để góp phần thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Thông qua các lớp đào tạo, tập huấn trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ chỉ đạo, quản lý thực hiện Chương trình các cấp đã dần được nâng lên.

Công tác đào tạo, tập huấn về Chương trình nhìn chung được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện; tuy nhiên kinh phí bố trí cho công tác đào tạo, tập huấn trong thời gian qua còn hạn chế, chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Do đó, công tác đào tạo, tập huấn chưa được triển khai sâu rộng và thường xuyên.

<sup>4</sup> Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức 07 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp tại thành phố Gia Nghĩa, các huyện và 01 lớp về du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới với 750 lượt người tham gia; Tổ chức 01 đợt tham quan, học tập kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Bình Phước cho 28 lượt cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã; Sở Nội vụ: tổ chức 04 lớp bồi dưỡng cho đối tượng là Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, buôn, bon, bản và tổ dân phố với số lượng học viên là 349 học viên; Sở Công Thương tổ chức 03 lớp tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm có 200 người tham gia; Hội Liên hiệp phụ nữ tổ chức 08 lớp tập huấn về cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, “Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam” thu hút hơn 1.800 chị em tham gia; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức 01 lớp tập huấn về tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường với số lượng học viên 500 người; Chi cục Phát triển nông nghiệp tổ chức 24 lớp tập huấn tại 08 huyện, thành phố với 765 người tham gia; Chi cục Thủy lợi tổ chức 06 lớp tập huấn với tổng số học viên 250 người; Công an tỉnh tổ chức 08 lớp tập huấn cho lực lượng bảo vệ tổ dân phố và công an xã bán chuyên trách.

#### + Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị, địa phương đã tổ chức các hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo các cấp. Tại hội nghị, các đại biểu đã được truyền đạt các nội dung như: vấn đề chung về công tác giảm nghèo; thực trạng công tác giảm nghèo hiện nay và định hướng giảm nghèo đến năm 2025; một số chính sách dành cho hộ nghèo, người nghèo; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông; quản lý nhà nước về lĩnh vực giảm nghèo.... Qua các lớp tập huấn đã giúp cho đại biểu, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo ở cơ sở được nâng cao năng lực, vận dụng những nội dung, kiến thức được tập huấn vào công tác giảm nghèo; qua đó triển khai có hiệu quả hơn kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn trong thời gian tới.

Một số khó khăn trong công tác đào tạo tập huấn như: Trình độ đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở còn nhiều hạn chế, do địa phương có đặc thù số đông là đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế - xã hội, địa hình đi lại phức tạp, khó khăn nên ảnh hưởng đến việc tập trung đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở để triển khai tập huấn, tuyên truyền,...

#### **4. Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 629/KH-UBND ngày 28/10/2022 về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Kế hoạch số 660/KH-UBND ngày 14/11/2022 về kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 07/3/2023 về giám sát việc triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh năm 2023 để các đơn vị tổ chức thực hiện.

Công tác kiểm tra, giám sát trong thời gian qua được các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cơ sở quan tâm triển khai thực hiện; từ đó tham mưu, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho các địa phương trong quá trình thực hiện các Chương trình, như: (1) Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh đã phối hợp với các Sở, ban, ngành đi kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện tại các xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới theo hàng và các xã phân đầu đạt chuẩn theo bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021-2025; kiểm tra, khảo sát các xã đưa vào mục tiêu kế hoạch phân đầu theo từng năm...; (2) Trong thời gian tới, các cơ quan Thường trực Chương trình MTQG sẽ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành đi kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo; qua đó, theo dõi, đánh giá việc thực hiện 03 Chương trình MTQG tại các đơn vị, địa phương nhằm hướng dẫn thực hiện, kịp thời phát hiện và khắc phục các sai sót từ khâu rà soát, đánh giá đến phân bổ nguồn lực thực hiện các Chương trình. (3) UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện ở cấp cơ sở.

## II. CÔNG TÁC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2021, NĂM 2022, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ ƯỚC ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

### 1. Cân đối nguồn lực từ ngân sách nhà nước

- Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 (tiến độ thực hiện và cơ chế phân cấp, danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025); phân bổ, giao kế hoạch đầu tư vốn hằng năm giai đoạn 2021-2023 (tiến độ thực hiện và danh mục dự án đầu tư hằng năm).

+ Về phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025:

Trên cơ sở Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình MTQG, được HĐND tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 và điều chỉnh tại Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14/12/2022; UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 và điều chỉnh tại Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 22/12/2022, cụ thể:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 của 03 Chương trình MTQG là 2.394.325 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 1.896.654 triệu đồng và ngân sách địa phương là 497.671 triệu đồng: cụ thể:

(1) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1.136.614 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 1.062.193 triệu đồng và ngân sách địa phương là 74.421 triệu đồng;

(2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 502.591 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương là 456.901 triệu đồng và ngân sách địa phương là 45.690 triệu đồng;

(3) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 755.120 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương là 377.560 triệu đồng và ngân sách địa phương là 377.560 triệu đồng.

Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 147/QĐ-TTg về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG, hiện nay tỉnh đang rà soát các mục tiêu nhiệm vụ của các Chương trình để thực hiện phân bổ và bố trí vốn đối ứng theo quy định.

+ Phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư hằng năm giai đoạn 2021-2023:

(1) Năm 2022:

Ngày 28/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 653/QĐ-TTg

ngày 28/5/2022 về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG, được HĐND tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022 tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 và điều chỉnh tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 14/12/2022; UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 và điều chỉnh tại Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 cụ thể:

Tổng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 758.375 triệu đồng; trong đó: nguồn ngân sách trung ương là 584.753 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 450.863 triệu đồng, vốn sự nghiệp 133.890 triệu đồng) và nguồn ngân sách địa phương 173.622 triệu đồng:

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 287.099 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển 219.251 triệu đồng, vốn sự nghiệp 67.848 triệu đồng;

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 216.796 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 166.442 triệu đồng, vốn sự nghiệp 50.354 triệu đồng;

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 254.480 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 196.440 triệu đồng, vốn sự nghiệp 58.040 triệu đồng.

#### (2) Năm 2023:

Ngày 02/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1506/QĐ-TTg về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, được HĐND tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023 tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/12/2023; UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022, cụ thể:

Tổng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 Chương trình MTQG là 1.118.737 triệu đồng; trong đó: nguồn ngân sách trung ương là 889.640 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 546.290 triệu đồng, vốn sự nghiệp 343.350 triệu đồng) và nguồn ngân sách địa phương là 229.097 triệu đồng:

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 481.081 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển là 286.504 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 194.577 triệu đồng.

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 330.258 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 179.289 triệu đồng, vốn sự nghiệp 150.969 triệu đồng:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 307.398 triệu đồng; trong đó, phân bổ 237.408 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư phát triển; nguồn vốn sự nghiệp 69.990 triệu đồng chưa thực hiện phân bổ.

- Thuận lợi, khó khăn việc phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương hằng năm giai đoạn 2021-2023.

Trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí,



định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đắk Nông đã sớm thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh để các cơ quan, đơn vị thực hiện. Tuy nhiên, sau khi phân bổ thì một số Bộ ngành, trung ương có văn bản hướng dẫn thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý khác với dự toán đã giao của tỉnh; dẫn đến trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn, vướng mắc và phải thực hiện điều chỉnh dự toán đã giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kế hoạch giai đoạn 5 năm và cân đối, bố trí vốn ngân sách địa phương thực hiện từng Chương trình MTQG. Đối với các địa phương được hỗ trợ từ ngân sách trung ương đánh giá kết quả bố trí vốn đối ứng theo quy định tại các Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021, số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022, số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022, Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; trong đó, đã bố trí vốn đối ứng theo quy định tại các Quyết định nêu trên. Tuy nhiên, tỉnh Đắk Nông là một trong những tỉnh nghèo của cả nước, tình hình kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, thu ngân sách hằng năm chưa cao; do đó, việc cân đối ngân sách địa phương thực hiện đối ứng 03 Chương trình MTQG rất khó khăn, đặc biệt là Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (tỉnh phải đối ứng theo tỷ lệ 1:1).

## **2. Huy động nguồn lực khác**

Kết quả vốn huy động đầu tư vào Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh 2021-2023 là 72.901.395 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình: 587.140 triệu đồng (ngân sách Trung ương 292.946 triệu đồng, ngân sách địa phương 294.194 triệu đồng), chiếm 0,8%.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 3.475.713 triệu đồng, chiếm 4,7%.

- Vốn tín dụng thương mại: 68.467.350 triệu đồng, chiếm 94%.

- Vốn doanh nghiệp: 217.192 triệu đồng, chiếm 0,3%.

- Vốn huy động cộng đồng: 154.000 triệu đồng, chiếm 0,2%.

## **3. Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình**

HĐND tỉnh đã ban hành cơ chế lồng ghép nguồn vốn (bao gồm lồng ghép nguồn vốn ngân sách nhà nước, lồng ghép các nguồn vốn khác) thực hiện các Chương trình MTQG tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 làm cơ sở để cho các đơn vị, địa phương thực hiện. Tuy nhiên, việc thực hiện lồng ghép nguồn vốn, địa bàn thực hiện các Chương trình MTQG gặp nhiều

lúng túng, khó khăn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy Ban dân tộc chưa ban hành hướng dẫn cụ thể.

#### **4. Quản lý và sử dụng nguồn lực**

- Việc thực hiện các thủ tục đầu tư, công tác thanh toán, giải ngân nguồn vốn đầu tư trên địa bàn đã được các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định, phù hợp tình hình thực tế của địa phương. Tuy nhiên, việc phê duyệt danh mục các công trình, dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh còn chậm do phải rà soát kỹ đối tượng, đảm bảo đúng nội dung mục tiêu của từng Chương trình, tránh đầu tư dàn trải; bên cạnh đó, việc triển khai các thủ tục pháp lý ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Lập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt) mất nhiều thời gian. Vì vậy, đến ngày 31/12/2022 cơ bản các công trình, dự án mới thực hiện xong bước chuẩn bị đầu tư, giao chi tiết kế hoạch vốn mà chưa khởi công kịp trong năm 2022, chuyển nguồn qua năm 2023 tiếp tục triển khai thực hiện.

- Việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội đã được UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan tài chính, kho bạc triển khai thực hiện đúng quy định. Đối với nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 của 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2021, NĂM 2022, 06 THÁNG NĂM 2023 VÀ ƯỚC ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

#### **1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

##### **a) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình:**

*- Kết quả thực hiện các mục tiêu:*

Mục tiêu đến năm 2025, tỉnh Đắk Nông giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi/năm trong giai đoạn là 5%; phấn đấu đưa 07 xã và 20 thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

Trong năm 2022, giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh là 7,87%; đạt 157% so với kế hoạch đề ra. Trong năm 2022 tỉnh không giao kế hoạch đưa xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn. Dự kiến đến hết năm 2025, tỉnh sẽ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

*- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:*

*Năm 2022:*

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng so với năm 2020.

- Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ dân tộc thiểu số. Trong đó, giải quyết đất ở 127 hộ; giải quyết nhà ở 160 hộ; hỗ trợ đất sản xuất 164 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề 175 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 1.890 hộ; đầu tư trợ xây dựng 03 công trình nước sinh hoạt tập trung.

- Triển khai thực hiện 06 dự án Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư, khi hoàn thành bố trí, sắp xếp ổn định tại chỗ cho 7.831 hộ.

- Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân. Trong đó, giao khoán bảo vệ rừng khoảng 4.856 ha/năm; bảo vệ rừng khoảng 7.227 ha/năm; trồng phòng hộ, trồng rừng sản xuất khoảng 802 ha; phát triển lâm sản ngoài gỗ tổng diện tích là 484 ha.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn; trong đó, tập trung đầu tư xây dựng đường giao thông xã, thôn đặc biệt khó khăn, đầu tư nâng cấp sửa chữa 01 chợ thuộc vùng dân tộc thiểu số.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất cho các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh; trong đó, nâng cấp, cải tạo 08 trường phổ thông dân tộc nội trú, 02 trường bán trú trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo nghề cho lao động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, dân tộc thiểu số có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phụ nữ có thai được khám thai định kỳ đạt  $\geq 65\%$ , sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế đạt  $\geq 90\%$ ; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân  $\leq 21\%$ ; Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  $\leq 32,4\%$ .

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng 05 điểm đến văn hoá gắn với du lịch và hỗ trợ đầu tư xây dựng bảo tồn 04 bon văn hoá truyền thống và hỗ trợ tôn tạo, chống xuống cấp 01 di tích lịch sử các địa điểm về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào M'Nông do N'Trang Lơng lãnh đạo.

- Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của 295 người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; triển khai bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức chức trong hệ thống chính trị; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở trong triển khai thực hiện Chương trình.

*Năm 2023:*

- Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ dân tộc thiểu số. Trong đó, giải quyết đất ở 154 hộ; giải quyết nhà ở 163 hộ; hỗ trợ đất sản xuất và chuyển đổi nghề 391 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 1.325 hộ; đầu tư trợ xây dựng 04 công trình nước sinh hoạt tập trung.

- Triển khai thực hiện 09 dự án Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư, khi hoàn thành bố trí, sắp xếp ổn định tại chỗ cho 7.831 hộ.

- Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân. Trong đó, hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình 3.657,13 ha; hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho BQL rừng phòng hộ, diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế, diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý 1.843,30 ha; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung 55,00 ha; hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình 20,00 ha; hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình 900,00 ha.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn khu vực III, thôn, bon, buôn, bản đặc biệt khó khăn 47 km.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất cho các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh; trong đó, 82 phòng công vụ giáo viên, phòng ở học sinh, quản lý học sinh, phòng học thông thường và bộ môn, 6 nhà bếp, nhà ăn, nhà kho, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa, 16 công trình vệ sinh, nước sạch và công trình phụ trợ khác và mua sắm trang thiết bị là 7; xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS là 680 người; bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 3 và đối tượng 4 là 28 lớp; đào tạo nghề cho người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1.500 người; hỗ trợ giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp là 5 lớp.

- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; trong đó: xây dựng chính sách và hỗ trợ 05 nghệ nhân; xây dựng 03 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian; hỗ trợ 01 Dự án nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một; xây dựng 01 mô hình văn hóa truyền thống các DTTS; xây dựng 01 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư; hỗ trợ hoạt động cho 10 đội văn nghệ truyền thống; hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 điểm đến du lịch tiêu biểu; hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá 01 chương trình; hỗ trợ đầu tư bảo tồn 01 làng, bản văn hóa

truyền thống tiêu biểu; hỗ trợ tu bổ sung, tôn tạo, chống xuống cấp 01 di tích quốc gia đặc biệt và hỗ trợ đầu tư xây dựng 16 thiết chế văn hóa, hỗ trợ trang thiết bị cho 10 thiết chế văn hóa.

- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

- Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các hộ DTTS còn nhiều khó khăn; tổ chức 13 hội nghị lồng ghép nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.

- Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của 309 người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; triển khai bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở trong triển khai thực hiện Chương trình.

**b) Kết quả thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc từng Dự án, Tiêu dự án thành phần của Chương trình.**

- Năm 2022: Tổng nguồn vốn là 287.099 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển 219.251 triệu đồng, vốn sự nghiệp 67.848 triệu đồng. Cơ cấu nguồn vốn ngân sách trung ương là 260.425 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 201.332 triệu đồng, vốn sự nghiệp 59.093 triệu đồng*) và nguồn vốn ngân sách địa phương là 26.682 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 17.927 triệu đồng, vốn sự nghiệp 8.755 triệu đồng*).

- Năm 2023: Tổng nguồn vốn là 481.081 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển là 286.504 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 194.577 triệu đồng. Cơ cấu nguồn vốn ngân sách trung ương là 436.330 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 265.221 triệu đồng, vốn sự nghiệp 171.109 triệu đồng*), ngân sách địa phương là 44.751 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 21.283 triệu đồng, vốn sự nghiệp 23.468 triệu đồng*).

*(1) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nhà ở, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt.*

Năm 2022, đã phân bổ kinh phí là 27.624 triệu đồng (vốn đầu tư là 25.302 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 2.322 triệu đồng), đã giải ngân được 1.117 triệu đồng, đạt 4,04% tổng kế hoạch vốn. Năm 2023 phân bổ kinh phí là 34.870 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 33.722 triệu đồng (vốn đầu tư là 27.268 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 6.454 triệu đồng); ngân sách địa phương là 1.148 triệu đồng (vốn đầu tư là 1.148 triệu đồng); chi tiết các nội dung dự án như sau:

- Nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất: UBND các huyện, thành phố đã rà soát và lập danh sách đối tượng thụ hưởng. Tuy nhiên, hiện nay Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành định mức hỗ trợ nên chưa có cơ sở phê duyệt kế

hoạch, phương án để triển khai thực hiện. Ngoài ra, hiện nay tỉnh đang xây dựng, ban hành Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ bằng hiện vật hoặc bằng tiền. Riêng nhà ở đã thực hiện hỗ trợ 18 hộ với tổng kinh phí là 792 triệu đồng.

- Nội dung hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ nước phân tán: UBND các huyện đã rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng và triển khai thực hiện. Đến nay, đã hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 20 hộ với kinh phí là 200 triệu đồng và hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 42 hộ với kinh phí là 126 triệu đồng.

- Nội dung hỗ trợ nước tập trung: UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục các dự án đầu tư tại Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 14/10/2022; UBND các huyện đang thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư, thẩm định, phê duyệt dự án để làm cơ sở giao kế hoạch vốn triển khai thực hiện.

*(2) Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết*

Kế hoạch vốn năm 2022, UBND các huyện được bố trí vốn thực hiện 5 dự án với tổng kế hoạch vốn là 118,38 tỷ đồng, đến nay có 02/4 dự án (dự án tại xã Quảng Phú, huyện Krông Nô và dự án tại xã Đắc R'la, huyện Đắc Mil) được phân bổ vốn đã quyết định đầu tư và giải ngân 23.451 triệu đồng, đạt 19,8% so với kế hoạch vốn được phân bổ. Năm 2023 phân bổ với kinh phí là 155.937 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương là 139.937 triệu đồng (vốn đầu tư), ngân sách địa phương là 16.000 triệu đồng (vốn đầu tư). Đối với các dự án thành phần thuộc Dự án 2, hầu hết các dự án có quy mô, tổng mức đầu tư lớn nên phải thực hiện quy trình tư vấn lập và phê duyệt dự án kéo dài, mất nhiều thời gian.

*(3) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị*

- Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

Năm 2022, đã phân bổ kinh phí là 11.041 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 11.041 triệu đồng (ngân sách trung ương); năm 2023 phân bổ kinh phí là 38.541 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 38.541 triệu đồng (ngân sách trung ương).

Để triển khai thực hiện tiểu dự án, hiện nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022, hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; tuy nhiên, hiện nay một số nội dung Thông tư quy định chưa cụ thể, việc áp dụng triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn lúng túng. Mặt khác, các hoạt động lâm sinh phải được lập hồ sơ, thiết kế và phê duyệt theo quy định; việc thực hiện hoạt động lâm sinh như khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh,... phải được thực hiện từ đầu năm mới có cơ sở nghiệm

thu, thanh quyết toán; trong khi đó việc triển khai thực hiện ở địa phương mới bắt đầu vào cuối năm 2022 nên khó khăn trong việc giải ngân nguồn vốn được phân bổ.

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Năm 2022, đã phân bổ kinh phí là 14.774 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương là 14.322 triệu đồng (vốn đầu tư là 6.181 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 8.141 triệu đồng), ngân sách địa phương là 452 triệu đồng (vốn sự nghiệp); năm 2023 phân bổ kinh phí là 31.001 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương là 30.337 triệu đồng (vốn đầu tư là 8.286 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 22.051 triệu đồng); ngân sách địa phương là 664 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

\* Nội dung số 01 và Nội dung số 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: các huyện đã phân bổ kinh phí cho các phòng, ban và UBND các xã để triển khai thực hiện. Riêng nội dung thúc đẩy khởi nghiệp đến nay Hội Nông dân tỉnh đã thực hiện và giải ngân được 43 triệu đồng.

\* Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

Trên địa bàn tỉnh được Trung ương giao thực hiện 01 dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Đắk Glong. UBND huyện Đắk Glong đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc lập dự án và thông báo lựa chọn các đơn vị liên kết. Hiện nay, đã có 01 hợp tác xã tại huyện Đắk Glong và 01 doanh nghiệp có hồ sơ đề xuất thực hiện dự án nhưng chưa đề xuất đơn vị đứng đầu chuỗi giá trị để thực hiện dự án theo quy định.

*(4) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.*

Năm 2022, tổng nguồn vốn được phân bổ là 52.590 triệu đồng (ngân sách trung ương); trong đó vốn đầu tư 50.079 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 2.511 triệu đồng. Trên cơ sở danh mục dự án đầu tư đã được phê duyệt với tổng số là 133 công trình, UBND các huyện, thành phố đã lập, phê duyệt 16 công trình; trong đó, giao kế hoạch vốn là 5 công trình và thực hiện giải ngân 5.595 triệu đồng, đạt 10,47% so với kế hoạch vốn được giao. Năm 2023, tổng nguồn vốn được phân bổ là 73.893 triệu đồng (ngân sách trung ương); trong đó vốn đầu tư 67.132 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 6.761 triệu đồng. Nhìn chung, việc triển khai thực hiện Dự án 4 tại các địa phương còn chậm; nguyên nhân chính là UBND các huyện còn lúng túng trong việc lựa chọn dự án phải thực hiện theo cơ chế đặc thù, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án... Năm 2023 đã thực hiện và giải ngân được 121 triệu đồng (huyện Krông Nô).

*(5) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn*

*nhân lực*

Năm 2022, tổng nguồn vốn phân bổ là 30.324 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 26.225 triệu đồng (vốn đầu tư là 10.854 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 15.371 triệu đồng), ngân sách địa phương là 4.099 triệu đồng (vốn sự nghiệp); đến nay giải ngân được 3.505 triệu đồng, đạt 11,55% so với tổng kế hoạch vốn được giao. Năm 2023, tổng nguồn vốn phân bổ là 69.006 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 56.774 triệu đồng (vốn đầu tư là 14.550 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 42.224 triệu đồng), ngân sách địa phương là 12.232 triệu đồng (vốn sự nghiệp). Trong đó:

- Tiểu dự án 01 “Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ”: Đối với các dự án đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND huyện Đắk Glong đang trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án. Đối với nội dung xóa mù chữ đã mở được 04 lớp xóa mù chữ trên địa bàn huyện Tuy Đức và Đắk Glong với tổng kinh phí là 341 triệu đồng.

- Tiểu dự án 02 “Về bồi dưỡng kiến thức dân tộc”: Kế hoạch vốn được giao năm 2022 là 1.898 triệu đồng, đã tổ chức được 3 lớp đào tạo với tổng kinh phí là 480 triệu đồng; năm 2023 vốn được giao là 5.554 triệu đồng.

- Tiểu dự án 3 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và miền núi”: Kế hoạch vốn năm 2022 đã phân bổ là 15.399 triệu đồng, đến nay đã giải ngân được 2.604 triệu đồng, đạt 16,91% kế hoạch, đào tạo nghề giải quyết việc làm cho 868 lao động; năm 2023 kế hoạch vốn là 42.655 triệu đồng. Tuy nhiên, có một số khó khăn, vướng mắc như: định mức kinh tế kỹ thuật cho các nghề đào tạo chưa đầy đủ, cụ thể; nội dung thanh quyết toán theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính chưa quy định định mức cụ thể từng nội dung chi; chưa có quy định danh mục mua sắm trang thiết bị tối thiểu của từng ngành nghề đối với đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng.

- Tiểu dự án 4” Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình các cấp” : Năm 2022 đã phân bổ 1.136 triệu đồng, năm 2023 phân bổ là 3.455 triệu đồng. Hiện nay, Ủy ban Dân tộc đã ban hành Khung đào tạo nâng cao năng lực tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022, trong đó có giao nhiệm vụ cho Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi biên soạn nội dung theo chuyên đề đã được phê duyệt; tuy nhiên đến nay Bộ tài liệu này chưa ban hành nên chưa có cơ sở triển khai thực hiện. Năm 2023, đã thực hiện và giải ngân được 216 triệu đồng (huyện Krông Nô).

*(6) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*

Năm 2022, tổng kế hoạch vốn phân bổ là 10.998 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương là 5.852 triệu đồng (vốn đầu tư là 4.606 triệu đồng, vốn sự



nghiệp là 1.246 triệu đồng); ngân sách địa phương là 5.146 triệu đồng (vốn đầu tư là 2.779 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 2.367 triệu đồng). Năm 2023, tổng kế hoạch vốn phân bổ là 19.569 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương là 9.504 triệu đồng (vốn đầu tư là 6.174 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 3.330 triệu đồng); ngân sách địa phương là 10.065 triệu đồng (vốn đầu tư là 4.135 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 5.930 triệu đồng). Trên cơ sở đó, UBND các huyện, thành phố đang rà soát, đề xuất danh mục các công trình đầu tư đề nghị UBND tỉnh phê duyệt bổ sung để làm cơ sở triển khai thực hiện.

*(7) Dự án 07: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em*

Năm 2022 đã phân bổ tổng kinh phí là 2.367 triệu đồng, đến nay các đơn vị đã giải ngân 432 triệu đồng, đạt 18,25%; năm 2023, đã phân bổ tổng kinh phí là 6.221 triệu đồng. Các huyện đã tổ chức các đợt tiêm chủng cho người dân trên địa bàn các xã; tuyên truyền tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, tầm soát chẩn đoán trước sinh, sơ sinh tại cộng đồng; tổ chức mở lớp nói chuyện chuyên đề sức khỏe người cho người cao tuổi và khám sức khỏe cho người cao tuổi, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em và nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số; mở lớp tập huấn cho y tế xã, lớp tập huấn y tế thôn bon.

*(8) Dự án 08: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*

Năm 2022, Dự án 8 được phân bổ 2.170 triệu đồng; năm 2023 được phân bổ 5.841 triệu đồng. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức hội nghị hướng dẫn cho các địa phương thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhưng đến nay chưa giải ngân nguồn vốn.

*(9) Dự án 09: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn*

Tổng nguồn vốn phân bổ năm 2022 là 13.775 triệu đồng, đến nay đã thực hiện giải ngân được 644 triệu đồng; năm 2023 nguồn vốn phân bổ là 37.362 triệu đồng, trong đó:

- Tiểu dự án 1 “Đầu tư sinh kế bền vững phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù”: Hiện nay, các huyện đã rà soát, lập danh sách đối tượng thụ hưởng; tuy nhiên Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành quyết định về định mức và hình thức hỗ trợ nên chưa có cơ sở để triển khai thực hiện.

- Tiểu dự án 2 “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số”: Ban Dân tộc và UBND các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, tổ chức các hoạt động truyền thông về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số, đến nay đã giải ngân được 644 triệu đồng.

(10) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Năm 2022 đã phân bổ 3.047 triệu đồng (vốn đầu tư là 1.061 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 1.986 triệu đồng), đến nay đã giải ngân được 287 triệu đồng. Năm 2023 đã phân bổ nguồn vốn là 8.840, trong đó: ngân sách trung ương là 7.886 triệu đồng (vốn đầu tư là 1.874 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 6.012 triệu đồng); ngân sách địa phương là 954 triệu đồng (vốn sự nghiệp):

- Tiểu dự án 01 “Biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục pháp lý, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể Chương trình”: Đến nay các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện giải ngân được 287/1.569 triệu đồng, đạt 18,29% so với tổng kế hoạch vốn. Năm 2023, đã thực hiện giải ngân được 159 triệu đồng (Ban Dân tộc).

- Tiểu dự án 02 “Ứng dụng công nghệ thông tin cho vùng đồng bào trong vùng ĐBDTTS và miền núi”: Đối với nguồn vốn phân bổ cho các địa phương hiện nay Bộ Thông tin và Truyền thông chưa ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các nội dung, dự án.

- Tiểu dự án 03 “Kiểm tra, giám sát, đào tạo tập huấn và tổ chức thực hiện chương trình”: Các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đã và đang triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình, kết quả giải ngân được 40/270 triệu đồng, đạt 14,81% kế hoạch vốn.

## **2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.**

### **a) Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm nghèo**

- Toàn tỉnh:

Tại kỳ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021 (theo Nghị định số 07/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025), toàn tỉnh Đắk Nông có 18.290 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 11,19% trên tổng số hộ toàn tỉnh. Trong đó: Hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số chung là 12.789 hộ, chiếm tỷ lệ 27,98% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số chung. Hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ 5.187 hộ, chiếm tỷ lệ 32,81% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số tại chỗ.

Tại kỳ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022, toàn tỉnh Đắk Nông có 13.342 hộ nghèo (giảm 4.948 hộ so với năm 2021), chiếm tỷ lệ 7,97% (giảm 3,22% so với năm 2021) trên tổng số hộ toàn tỉnh; trong đó: hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số chung là 9.589 hộ, chiếm tỷ lệ 20,11% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số chung; hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ 3.892 hộ (giảm 1.295 hộ so với năm 2021), chiếm tỷ lệ 24,56% (giảm 8,25% so với năm 2021) trên tổng số hộ dân tộc thiểu số tại chỗ.

Kết quả trên đã đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 16/12/2021 về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông đề ra (phần đầu hằng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

- Tại các huyện nghèo:

+ Huyện Đắk Glong: Theo Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng huyện nghèo giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025, trong đó tỉnh Đắk Nông có huyện Đắk Glong. Theo đó, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Kế hoạch 797/KH-UBND ngày 21/12/2022 về Hỗ trợ huyện Đắk Glong tỉnh Đắk Nông thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025, đề ra chỉ tiêu: phần đầu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn huyện Đắk Glong bình quân hằng năm giảm trên 7%, từ 39,99% cuối năm 2021 xuống còn dưới 10% cuối năm 2025; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 59,06% cuối năm 2021 xuống còn 35,00% cuối năm 2025.

+ Huyện Tuy Đức: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 14/10/2022 về triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (phần đầu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn huyện giảm 5,5% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 8% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

+ Toàn tỉnh:

Số hộ nghèo cuối năm 2022 giảm 3,22% so với số hộ nghèo cuối năm 2021 (năm 2021 có 18.290 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 11,19% trên tổng số hộ toàn tỉnh, đến cuối năm 2022 còn 13.342 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 7,97%) đạt mục tiêu đề ra “hằng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025” tại Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 16/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông.

Tỷ lệ hộ cận nghèo toàn tỉnh cuối năm 2022 so với cuối năm 2021 giảm 0,16%, cụ thể: năm 2021 là 6,69%, năm 2022 là 6,53%.

+ Tại các huyện nghèo:

Huyện Đắk Glong: tại kỳ rà soát cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo giảm 14,31%, từ 39,99% xuống còn 25,68%, vượt chỉ tiêu đề ra số hộ nghèo giảm được 2.145 hộ, từ 6.690 hộ xuống còn 4.545 hộ.

Huyện Tuy Đức: Tại kỳ rà soát cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo giảm 14,42%, từ 45,20 % xuống còn 30,78%, đã đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

- Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

- Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

+ Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; ước đạt 1.800 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công; tối thiểu có 200 người lao động tại các xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 20 lao động thuộc hộ nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

+ Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

+ Chiều thiếu hụt về nhà ở: 0% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững (Năm 2023 mới được Trung ương bố trí vốn nên các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện, chưa tiến hành giải ngân do đó không có số liệu đánh giá mức độ thụ hưởng).

+ Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Qua việc đẩy mạnh các hoạt động thông tin và truyền thông về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống, ý thức sử dụng nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh đã có khoảng 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt nhà tiêu hợp vệ sinh.

+ Chiều thiếu hụt về thông tin: Ước khoảng 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 30% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

Các đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận chính sách.

#### **b) Kết quả thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc từng Dự án, Tiêu dự án thành phần của Chương trình.**

(1) Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo:

Tiểu dự án 1 “Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo”:

+ Tổng nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 146.486 triệu đồng; trong

triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.769 triệu đồng), ngân sách địa phương 13.317 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 12.940 triệu đồng, vốn sự nghiệp 377 triệu đồng).

+ Tổng nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 99.539 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương 90.490 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 82.263 triệu đồng, vốn sự nghiệp 8.227 triệu đồng), ngân sách địa phương 9.049 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 8.226 triệu đồng, vốn sự nghiệp 823 triệu đồng).

Kết quả thực hiện: Trên cơ sở danh mục dự án đầu tư Chương trình giai đoạn 2021- 2025 và năm 2022 do UBND tỉnh phê duyệt là 20 công trình, trong đó: huyện Đắk Glong 11 công trình (07 hạng mục công trình dân dụng, 03 hạng mục công trình giao thông, 01 công trình nâng cấp đập thủy lợi) và huyện Tuy Đức 09 công trình (giao thông, thủy lợi và duy tu, sửa chữa công trình giáo dục). Dự kiến có khoảng 140.083 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn hai huyện nghèo được hưởng lợi từ các công trình, dự án nêu trên.

Tiến độ thực hiện: Các hạng mục nêu trên đang triển khai thực hiện, đến thời điểm ngày 14/4/2023 đã giải ngân được 36.714,85 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển). Trong đó, huyện Đắk Glong giải ngân 1.733 triệu đồng và huyện Tuy Đức giải ngân 34.957 triệu đồng.

- Tiểu dự án 2 “Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”:

Tổng kinh phí của giai đoạn 105.662 triệu đồng; trong đó: ngân sách trung ương 96.056 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 87.720 triệu đồng, vốn sự nghiệp 8.336 triệu đồng), ngân sách địa phương 9.606 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 6.724 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.882 triệu đồng).

Kết quả thực hiện: Xây dựng hồ sơ thực hiện 04 công trình đường giao thông và nâng cấp hạng mục vỉa hè, điện chiếu sáng tuyến đường xã. Dự kiến có khoảng 75.678 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số,... trên địa bàn huyện Đắk Glong được hưởng lợi từ các công trình, dự án nêu trên.

Tiến độ thực hiện: UBND huyện Đắk Glong đã ban hành Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 về điều chỉnh dự toán kế hoạch vốn ngân sách thực hiện 03 Chương trình; theo đó đã giao các xã: Đắk Plao, Quảng Khê, Quảng Hòa, Đắk R’măng và Đắk Ha thực hiện duy tu bảo dưỡng với số tiền 2.074 triệu đồng.

*(2) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo:*

- Nguồn vốn được phân bổ năm 2021 là 260 triệu đồng (vốn sự nghiệp, ngân sách trung ương).

- Nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 14.317 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 13.016 triệu đồng, ngân sách địa phương là 1.301 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 36.066 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 32.787 triệu đồng, ngân sách địa phương là 3.279 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Kết quả và tiến độ thực hiện:

+ Năm 2021 đã giải ngân 100% vốn được bố trí.

+ Năm 2022: Các địa phương đang triển khai xây dựng các dự án theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả giải ngân tại các địa phương như sau: huyện Đắk Glong 124 triệu đồng, huyện Đắk Song 110 triệu đồng, huyện Đắk Mil 447 triệu đồng, huyện Tuy Đức 50 triệu đồng, huyện Krông Nô 58 triệu đồng. Các đơn vị, địa phương còn lại đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân, dự kiến có trên 300 người trên địa bàn tỉnh được hưởng lợi từ chương trình, dự án nêu trên.

+ Năm 2023: Chưa giải ngân.

*(3) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng:*

- Tiểu dự án 1 “Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp”:

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 6.195 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 5.631 triệu đồng, ngân sách địa phương là 564 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 15.907 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 14.461 triệu đồng, ngân sách địa phương là 1.446 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Kết quả và tiến độ thực hiện: huyện Đắk Glong giải ngân được 54 triệu đồng, huyện Krông Nô giải ngân được 58 triệu đồng.

- Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng”:

+ Năm 2022: không có kinh phí triển khai thực hiện

+ Năm 2023: Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 5.716 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 5.196 triệu đồng, ngân sách địa phương là 520 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

Tiến độ thực hiện: Các đơn vị, địa phương được giao vốn đang xây dựng kế hoạch năm 2023 để triển khai thực hiện.

*(4) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững:*

- Tiểu dự án 1 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn”:

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 40.000 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 36.363 triệu đồng; ngân sách địa phương là 3.637 triệu đồng.

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 45.588 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 41.444 triệu đồng; ngân sách địa phương là 4.144 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân 1.880,952 triệu đồng tại một số địa phương, đơn vị cụ thể: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 166 triệu đồng (tổ chức khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và tham dự hội nghị), huyện Cư Jút 2.466 triệu đồng, huyện Đắk R'lấp 251 triệu đồng, huyện Đắk Song 450 triệu đồng, huyện Đắk Glong 701,475 triệu đồng, huyện Đắk Mil 432,5 triệu đồng, huyện Krông Nô 616 triệu đồng. Các đơn vị, địa phương còn lại đang triển khai thực hiện nên đến thời điểm hiện tại chưa thực hiện giải ngân; dự kiến có khoảng 6.500 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật,...trên địa bàn tỉnh được hưởng lợi từ chương trình, dự án nêu trên.

- Tiểu dự án 2 “Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”:

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 517 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 470 triệu đồng, ngân sách địa phương là 47 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 1.686 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 1.533 triệu đồng, ngân sách địa phương là 153 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Tiến độ thực hiện: Hiện nay, các đơn vị địa phương đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân.

- Tiểu dự án 3 “Hỗ trợ việc làm bền vững”:

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 3.593 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 3.267 triệu đồng, ngân sách địa phương là 93 triệu đồng.

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 10.393 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 9.447 triệu đồng, ngân sách địa phương là 946 triệu đồng.

+ Kết quả giải ngân 338,84 triệu đồng, tại một số địa phương, đơn vị cụ thể: huyện Đắk Glong 89 triệu đồng, huyện Đắk Mil 10 triệu đồng, huyện Cư Jút 114 triệu đồng, huyện Krông Nô 42 triệu đồng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 136,84 triệu đồng (mở lớp tuyên truyền, in, cấp phát tài liệu và tham dự hội nghị tập huấn). Các địa phương còn lại đang triển khai thực hiện nên đến thời điểm hiện tại chưa thực hiện giải ngân; dự kiến có khoảng 800 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh được hưởng lợi từ chương trình, dự án nêu trên.

*(5) Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo:*

- Năm 2022: không có kinh phí triển khai thực hiện

- Năm 2023: Nguồn vốn được phân bổ 29.568 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 26.880 triệu đồng, ngân sách địa phương là 2.688 triệu đồng.

- Tiến độ thực hiện: Sở Xây dựng đang phối hợp với các huyện nghèo (Tuy Đức và Đăk Glong) xây dựng kế hoạch năm 2023 để triển khai thực hiện.

*(6) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin:*

- Tiểu dự án 1 “Giảm nghèo về thông tin”:

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 389 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 354 triệu đồng, ngân sách địa phương là 35 triệu đồng.

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 2.064 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 1.876 triệu đồng, ngân sách địa phương là 188 triệu đồng.

+ Tiến độ thực hiện: Đã thực hiện công tác sản xuất mới các tác phẩm báo chí để cung cấp nội dung thiết yếu cho xã hội thông qua thực hiện các chuyên trang, chuyên mục “Đăk Nông - Giảm nghèo về thông tin” trên báo in, báo điện tử, sóng truyền hình của địa phương và sóng phát thanh khu vực Tây Nguyên với tổng giá trị là 389 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được giao năm 2022. Có khoảng 21.860 người dân (người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật,...) trên địa bàn tỉnh được hưởng lợi từ dự án.

Năm 2023: Sở Thông tin và Truyền thông đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

- Tiểu dự án 2 “Truyền thông về giảm nghèo đa chiều”:

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 486 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 442 triệu đồng, ngân sách địa phương là 44 triệu đồng.

+ Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 2.196 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 1.997 triệu đồng, ngân sách địa phương là 199 triệu đồng.

+ Tiến độ thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai thực hiện và giải ngân 486 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100% nguồn vốn được giao năm 2022. Có khoảng 21.860 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh được hưởng lợi từ dự án.

Năm 2023: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

*(7) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình:*

- Nguồn vốn được phân bổ năm 2022 là 4.813 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 4.376 triệu đồng, ngân sách địa phương là 437 triệu đồng.

- Nguồn vốn được phân bổ năm 2023 là 7.572 triệu đồng; trong đó ngân sách trung ương là 6.885 triệu đồng, ngân sách địa phương là 687 triệu đồng.

- Kết quả giải ngân:

Một số địa phương, đơn vị đã thực hiện giải ngân 1.682,412 triệu đồng, cụ thể: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 770 triệu đồng, huyện Krông Nô 367 triệu đồng, huyện Đăk Mil 74,8 triệu đồng, huyện Đăk R’lấp 83 triệu đồng, huyện Tuy Đức 43,844 triệu đồng, huyện Cư Jút 263,116 triệu đồng, huyện Đăk



Song 57 triệu đồng, thành phố Gia Nghĩa 70,652 triệu đồng. Các địa phương còn lại đang triển khai thực hiện nên đến thời điểm hiện tại chưa thực hiện giải ngân. Dự kiến có khoảng 2.500 người được tham gia dự án nêu trên.

Năm 2023, các đơn vị, địa phương đang xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

### **c) Kết quả thực hiện từng chính sách giảm nghèo.**

- Chính sách tín dụng ưu đãi: Tập trung giải quyết cho vay đạt 148.217 triệu đồng với 2.695 lượt hộ nghèo, 2.112 lượt hộ cận nghèo vay vốn với kinh phí là 134.428 triệu đồng. Chính sách đã giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, vươn lên thoát nghèo.

- Hỗ trợ khuyến nông, lâm: Đã tổ chức tập huấn khuyến nông viên mới cho các học viên thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện các mô hình, dự án khuyến nông thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

- Hỗ trợ về y tế: Lũy kế toàn tỉnh đã có 59.871 lượt người nghèo được hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế với tổng kinh phí hỗ trợ là 12.043 triệu đồng, 11.022 lượt người cận nghèo với tổng kinh phí hỗ trợ là 2.217 triệu đồng và 47.493 lượt người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với tổng kinh phí hỗ trợ là 9.553 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ về giáo dục: Thực hiện chính sách hỗ trợ học phí, chi phí học tập, hỗ trợ gạo, hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho 39.452 lượt học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo DTTS:

+ Năm 2021: Toàn tỉnh hỗ trợ xây mới 50 ngôi nhà cho hộ nghèo với tổng số tiền 1 tỷ đồng từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam.

+ Năm 2022: Đã thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 18 hộ nghèo DTTS với tổng kinh phí là 792 triệu đồng.

+ Năm 2023: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 về ban hành Kế hoạch hỗ trợ xây dựng nhà ở cho một số hộ gia đình còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh bằng nguồn kinh phí xã hội hóa năm 2023, trong đó ưu tiên nguồn lực cho hộ nghèo vùng đồng bào DTTS.

- Trợ giúp đột xuất và cấp, phát gạo cứu trợ nhân dân dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt hằng năm: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với UBND các huyện, thành phố kịp thời phân bổ gạo từ nguồn dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ nhân dân trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Năm 2022: Theo Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 26/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các địa phương dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần và giáp hạt đầu năm 2022, tỉnh Đắk Nông được cấp tổng cộng 950.310 tấn gạo .

+ Năm 2023: Theo Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 13/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho tỉnh Đắk Nông dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và giáp hạt năm 2023, tỉnh Đắk Nông được cấp tổng cộng 733,095 tấn gạo.

- Dạy nghề:

+ Năm 2021: Đào tạo nghề cho 4.900 người đạt tỷ lệ 122,5% kế hoạch, cụ thể: 25 người trình độ Cao đẳng; Trung cấp 1.127 người; Sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng 3.748 người, đồng bào DTTS là 1.632 người và các đối tượng khác.

+ Năm 2022: Đào tạo nghề cho 5.776 người đạt tỷ lệ 144% so với kế hoạch, cụ thể: 24 người trình độ Cao đẳng; Trung cấp nghề 901 người; Sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng là 4.851 người, trong đó số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề là 1.384 người, đồng bào DTTS là 2.112 người. Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh đã tư vấn về chính sách pháp luật lao động, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động và tuyên truyền hỗ trợ định hướng nghề nghiệp cho 5.864 lượt người (trong đó, khoảng 1.000 người lao động là dân tộc thiểu số).

### **3. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.**

#### **a) Kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới:**

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; số xã đạt dưới 15 tiêu chí; thu nhập bình quân của người dân nông thôn.

+ Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới: Đến nay trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã có 35/60 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 58,3%; bình quân toàn tỉnh mỗi xã đạt 16,58 tiêu chí; không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí. Trong đó: đạt 19 tiêu chí có 35 xã, chiếm 58,3%; đạt từ 15-18 tiêu chí có 6 xã, chiếm 10%; đạt từ 10-14 tiêu chí có 19 xã, chiếm 31,7.

+ Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Đến nay toàn tỉnh có 35/60 xã đạt chuẩn nông thôn mới, áp dụng triển khai thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao nhưng chưa có xã nào được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; tỷ lệ bình quân mỗi xã đạt 7,60 tiêu chí/xã, Trong đó: đạt 19 tiêu chí có 0 xã chiếm 0%; đạt từ 15-18 tiêu chí có 2 xã chiếm 5,71%; đạt từ 10-14 tiêu chí có 10 xã chiếm 28,57%; đạt từ 5-9 tiêu chí có 17 xã chiếm 48,57%; đạt từ 0-4 tiêu chí có 6 xã chiếm 17,14%;

- Số huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

Thành phố Gia Nghĩa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 tại Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 18/4/2022. Hiện nay, đang tiếp tục thực hiện theo quy định

của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

Đối với kết quả thực hiện 9 tiêu chí nông thôn mới của cấp huyện (áp dụng thực hiện đối với 7/7 huyện): Đến thời điểm hiện tại bình quân mỗi huyện chỉ đạt 2,7 tiêu chí, tương đương với 16,4 chỉ tiêu/huyện; trong đó: huyện Cư Jút đạt 6 tiêu chí, huyện Đắk Mil đạt 4 tiêu chí, huyện Đắk R'lấp đạt 6 tiêu chí, huyện Tuy Đức đạt 2 tiêu chí; huyện Krông Nô và Đắk G'long đạt 1 tiêu chí.

- Số thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí nông thôn mới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Trên địa bàn tỉnh có 109 thôn, bon, buôn (gọi tắt là thôn) thuộc 11 xã đặc biệt khó khăn áp dụng thực hiện theo Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới. Đến nay chưa có thôn nào được công nhận đạt chuẩn thôn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025. Bình quân mỗi thôn mới đạt 5,91 tiêu chí/thôn; trong đó: tiêu chí số 1 về Giao thông có 89/109 thôn đạt, chiếm 81,65%; tiêu chí số 2 về Điện có 109/109 thôn đạt, chiếm 100%; tiêu chí số 3 về Nhà ở và công trình phụ trợ có 34/109 thôn đạt, chiếm 31,19%; tiêu chí số 4 về Văn hóa có 85/109 thôn đạt, chiếm 77,98%; tiêu chí số 5 về Giáo dục có 109/109 xã đạt, chiếm 100%; tiêu chí số 6 về Y tế có 100/109 thôn đạt, chiếm 91,74%; tiêu chí số 7 về Kinh tế hộ có 17/109 thôn đạt, chiếm 15,60%; tiêu chí số 8 về Môi trường và cảnh quan nông thôn có 08/109 thôn đạt, chiếm 7,34%; tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị và an ninh trật tự có 90/109 thôn đạt, chiếm 85,32%.

### **b) Kết quả thực hiện các Nội dung thành phần của Chương trình.**

*(1) Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.*

Trong thời gian qua các xã đã rà soát để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung cho phù hợp với giai đoạn 2021-2025. Qua rà soát, đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thì có 55/60 xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch, đạt 91,67 %.

*(2) Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.*

Công tác xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng trong năm 2021-2023 tiếp tục được các cấp, các ngành chú trọng quan tâm triển khai thực hiện; các địa phương đã thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động để người dân hiểu và tự chỉnh trang, xây dựng nhà cửa, khuôn viên sạch đẹp. Vì vậy, số lượng nhà tạm, nhà dột nát ngày càng được xóa bỏ, thay thế bằng nhà kiên cố, khang trang đạt chuẩn theo quy định; đồng thời, người dân cũng tích cực đóng góp tiền, ngày công, hiến đất đai, hoa màu,...để cùng với nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu như: đường giao thông, trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, nước sạch...ngày càng kiên cố, sạch đẹp,

từng bước đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người dân nông thôn.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đến hết năm 2022 toàn tỉnh: có 50/60 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông, đạt 83,33%; có 59/60 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi đạt 98,3%; có 59/60 xã đạt tiêu chí số 4 về điện, đạt 98,3%; có 46/60 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học, đạt 76,7%; có 51/60 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, đạt 85%; có 56/60 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 93,3%; có 57/60 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, đạt 95%; có 50/60 xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, đạt 83,3%.

*(3) Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn.*

Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân là một trong những nội dung trọng tâm, cốt lõi của Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, trong những năm qua các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, xây dựng đề án, dự án phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xây dựng các mô hình phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.

Công tác đào tạo nghề tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện gắn với nhu cầu của thị trường, hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn. Ngoài ra, công tác đào tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn đã đạt được kết quả cao<sup>5</sup>. Từ đó, đã từng bước nâng cao được tay nghề, kiến thức, kinh nghiệm cho người dân nông thôn trong việc áp dụng vào công tác phát triển sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Công tác phát triển Hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại: nhìn chung kinh tế tập thể và trang trại đang có những chuyển biến tích cực, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Nhiều Hợp tác xã, Tổ hợp tác nông nghiệp, trang trại hoạt động có hiệu quả, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho thành viên, tổ viên; góp phần thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh phát triển, góp phần xóa đói giảm nghèo nhất là ở vùng nông thôn;... Tuy nhiên, còn nhiều Hợp tác xã, Tổ hợp tác nông nghiệp, trang trại trên địa bàn chưa phát huy được lợi thế, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả thấp, nguyên nhân chính do thiếu vốn, đất sản xuất,

<sup>5</sup> Tổ chức đào tạo nghề cho 5.776 người, chỉ tiêu đào tạo nghề đạt 144% (5.776/4.000 người) kế hoạch được giao; trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 1.845 người (có 908 người được đào tạo nghề phi nông nghiệp; chủ yếu các nghề: nấu ăn, may công nghiệp, điện dân dụng, dệt thổ cẩm); Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên của các huyện đã tổ chức đào tạo 26 lớp học nghề nông nghiệp với 781 học viên, cụ thể có: 11 lớp trồng trọt và bảo vệ thực vật với 304 học viên, 80 lớp chăn nuôi thú y với 247 học viên, 02 lớp kỹ thuật trồng chăm sóc và cạo mù cao su với 61 học viên, 02 lớp kỹ thuật trồng nấm với 70 học viên, 03 lớp kỹ thuật trồng chăm sóc cây cà phê với 99 học viên

trình độ quản lý còn nhiều hạn chế, giá cả các mặt hàng nông sản bấp bênh, chất lượng sản phẩm chưa cao nên khó cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra, phần lớn các Hợp tác xã, Tổ hợp tác nông nghiệp và trang trại chưa tạo dựng được các mối liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, đơn vị khác có liên quan trong hoạt động sản xuất liên doanh.

Toàn tỉnh hiện có 183 Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp; các HTX nông nghiệp hoạt động đa dạng lĩnh vực như: trồng trọt, chăn nuôi, cung ứng dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ sau thu hoạch...; phân theo loại hình hoạt động gồm có: 115 HTX trồng trọt, 06 HTX chăn nuôi, 62 HTX tổng hợp, tổng số thành viên HTX khoảng 4.200 thành viên, tổng số lao động thường xuyên trong các HTX ước khoảng 3.800 người, tổng vốn điều lệ của HTX khoảng 100.000 triệu đồng; doanh thu bình quân của HTX năm 2022 ước đạt 1.500 triệu đồng/năm.

Tổng số Liên hiệp HTX nông nghiệp đến 31/12/2022 là 03 Liên hiệp HTX, tổng số thành viên là 20 HTX (*năm 2018 thành lập 01 Liên hiệp HTX, năm 2019 thành lập 02 Liên hiệp HTX*). Các Liên hiệp HTX ra đời nhằm tổ chức dịch vụ đầu vào, đầu ra tập trung cho các HTX thành viên, phù hợp với xu thế liên kết sản xuất kinh doanh và tạo ra sức mạnh tổng hợp, đủ sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, hướng tới tinh chế sản phẩm và xuất khẩu trực tiếp hàng hóa, tạo ra chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, mang lại lợi ích lớn hơn cho thành viên và người lao động. Tuy nhiên, các Liên hiệp HTX hiện nay chưa hoạt động và phát huy hết vai trò của mình.

Đến nay có 209 Tổ Hợp tác (THT) nông nghiệp<sup>6</sup>, tổng số thành viên của các THT là 3.970 thành viên, bình quân 18 thành viên/THT; doanh thu bình quân của một THT nông nghiệp là 220 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân của một THT nông nghiệp là 20 triệu đồng/năm.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm được xác định là nhiệm vụ trọng tâm thực hiện phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất hàng hóa góp phần xây dựng nông thôn mới; lồng ghép hoạt động triển khai theo chức năng của ngành, lĩnh vực quản lý, gắn với các hoạt động của Chương trình. Do đó, đã tập trung nâng cao chất lượng và sản lượng sản phẩm OCOP, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, xây dựng một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn thương hiệu quốc gia. Năm 2022, Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh đã tiến hành đánh giá, phân hạng cho 15 sản phẩm của 14 chủ thể thuộc 05 huyện và thành phố Gia Nghĩa; kết quả có 11 sản phẩm đạt điều kiện phân hạng 3 sao, 04 sản phẩm đạt điều kiện phân hạng 4 sao. Trong đó có 2 sản phẩm 4 sao được Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh đánh giá chấm điểm đạt trên 90 điểm, hiện đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương xem xét đánh giá 5 sao. Như vậy, đến nay tổng số sản phẩm OCOP toàn tỉnh là 60 sản phẩm của 53

<sup>6</sup> Trong đó: Thành phố Gia Nghĩa có 7 THT; huyện Đắk Rlấp có 10 THT; huyện Tuy Đức có 12 THT; huyện Đắk Glong có 81 THT; huyện Đắk Song có 31 THT; huyện Đắk Mil có 20 THT; huyện Krông Nô có 22 THT; huyện Cư Jút 26 THT.

doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, cơ sở sản xuất được công nhận; trong đó có 07 sản phẩm đạt 4 sao, 53 sản phẩm đạt 3 sao theo Bộ tiêu chí OCOP Quốc gia. Bên cạnh đó, hỗ trợ 15 sản phẩm lên sàn shopee, 47 sản phẩm tham gia sàn voso.vn, 25 sản phẩm được tạo gian hàng trên sàn postmart và 22 sản phẩm lên sanocop.vn...

Nhìn chung, công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập đã được các cấp các ngành và địa phương quan tâm triển khai thực hiện, ngày càng xuất hiện nhiều mô hình phát triển sản xuất đem lại thu nhập cao. Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác được thành lập mới ngày càng nhiều và hoạt động hiệu quả hơn, từng bước giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân tại các khu vực nông thôn. Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến nay toàn tỉnh có 46/60 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, đạt 76,7%; có 60/60 xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm, đạt 100%; có 51/60 xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất đạt 85%.

*(4) Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững.*

Thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể đã tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo được sự đồng thuận của nhân dân trong công tác giảm nghèo trên địa bàn. Các nguồn lực từ ngân sách Nhà nước, từ vận động xã hội hóa và việc lồng ghép từ các chương trình, dự án trong công tác giảm nghèo bền vững đã từng bước được thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh. Các cấp, các ngành đã nhận thức rõ hơn về mục đích, ý nghĩa của công tác giảm nghèo bền vững trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện công tác giảm nghèo; phân công cơ quan, đơn vị, cá nhân kết nghĩa, giúp đỡ các địa phương trong xây dựng nông thôn mới và hộ nghèo vươn lên thoát nghèo. Các cơ quan, đơn vị đã kịp thời tham mưu giải quyết các chế độ an sinh xã hội, đảm bảo mọi quyền lợi cho người dân như thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo về miễn giảm học phí, bảo hiểm y tế, hỗ trợ tiền điện, vay vốn sản xuất kinh doanh, các hoạt động khuyến nông - khuyến lâm, xây dựng nhà ở,... Bên cạnh đó, các đối tượng yếu thế của xã hội như người khuyết tật, người cao tuổi, hộ gia đình neo đơn, trẻ em mồ côi, hộ gia đình nghèo có người có công với cách mạng,... thường xuyên được thụ hưởng các chính sách chăm sóc, hỗ trợ để vượt qua khó khăn,... Điều này cơ bản đã giải quyết được những khó khăn của người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên để thoát nghèo, góp phần thực hiện đạt tiêu chí về hộ nghèo trên địa bàn các xã.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến nay toàn tỉnh có 47/60 xã đạt tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều, đạt 78,3%.

*(5) Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.*

- Về giáo dục: Sự nghiệp giáo dục của tỉnh tiếp tục phát triển về quy mô trường, lớp, học sinh, diện mạo các trường ngày càng khang trang hơn, đảm bảo phòng học, có nhiều trường học đã triển khai mô hình học 2 buổi/ngày. Trang

thiết bị dạy học hàng năm được bổ sung và hoàn thiện dần, góp phần đáng kể trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Tính đến hết năm 2022 đã có 46/60 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học, 60/60 xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo<sup>7</sup>.

- Về y tế: Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đổi mới đóng vai trò quan trọng trong hoạt động y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu, góp phần giảm tải cho tuyến trên. Số xã có trạm y tế đủ điều kiện, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế là 60/60 xã, công tác khám chữa bệnh được duy trì thường xuyên. Tại các xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế thì công tác khám chữa bệnh cho nhân dân có chuyển biến tích cực, chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao, thu hút được bệnh nhân đến khám và điều trị, góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến trên. Từ đó, đem lại được lợi ích kinh tế thiết thực cho nhân dân, nhất là người nghèo, người có thẻ bảo hiểm y tế. Tính đến ngày 31/12/2022, số người tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh là 567.390 người, tăng 4.817 người so với cùng kỳ năm trước, đạt tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế là 92%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng ngày càng giảm. Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến hết năm 2022 toàn tỉnh có 52/60 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế, đạt 86,67%.

*(6) Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn*

Hệ thống nhà văn hóa cấp xã, thôn, bon, buôn đã từng bước được đầu tư nâng cấp và thực hiện tốt chức năng phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với người dân, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới”.

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa trong những năm qua được phát động và thực hiện tốt ở các địa phương, công tác bình xét gia đình văn hóa luôn được chú trọng nâng cao chất lượng, được tổ chức công khai, dân chủ, bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục quy định góp phần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, kinh tế - xã hội. Số lượng gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”, số thôn, bon, văn hóa ngày càng tăng, chất lượng cũng được nâng lên.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến hết năm 2022 có 51/60 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, đạt 85%; có 59/60 xã đạt tiêu chí

<sup>7</sup> Toàn ngành giáo dục tỉnh Đắk Nông có 317 cơ sở, 166 trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó: Mầm non 42/90 trường, Tiểu học 72/118 trường, Trung học cơ sở 52/77 trường, Trung học phổ thông 14/32 trường; Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến trường: 99,2%; Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 14.591; Tỷ lệ người biết chữ từ 15 đến 60 tuổi của tỉnh Đắk Nông đạt 94,87%; Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học 2021 - 2022): 52.407 trẻ, đạt tỉ lệ 98,23%. Trong đó số trẻ em 14 tuổi: 12.942 trẻ; hoàn thành chương trình tiểu học: 12.897; Tỉ lệ 99,1%; Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 40.617; Tỉ lệ 86,92%; Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn: 187, số trẻ có khả năng học tập: 50; Số trẻ khuyết tật 11-18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 126; Tỉ lệ: 100%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học phổ thông (phổ thông, bổ túc, trung cấp) trên toàn tỉnh (năm học 2020-2021) là 38.097, tỷ lệ 84,64%; Học nghề và tham gia lao động sản xuất chiếm tỷ lệ 4,5%.

số 16 về văn hóa, đạt 98,3%.

*(7) Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...*

Công tác bảo vệ môi trường được thường xuyên theo dõi, kịp thời xử lý các tổ chức, cơ sở gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường nông thôn. Các cơ sở sản xuất kinh doanh cũng thực hiện đầy đủ các cam kết về bảo vệ môi trường; nghĩa trang từng bước được cải tạo và xây dựng theo quy hoạch; các dịch vụ thu gom, xử lý rác thải được hình thành ngày càng nhiều dưới các hình thức như: doanh nghiệp tư nhân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác về thu gom rác; bãi rác đã được các huyện quan tâm quy hoạch cụ thể. Trong năm 2022, tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; các địa phương đã lồng ghép các Chương trình, dự án khác để đầu tư xây dựng mới, sửa chữa các công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn và các trường học nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho người dân nông thôn<sup>8</sup>.

Một số địa bàn nông thôn, khu vực xa các trung tâm huyện, thành phố đã tự hình thành các đơn vị, tổ, nhóm hoạt động dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các thôn xóm, buôn, bon, tự đầu tư mua đất để làm bãi chôn lấp chất thải rắn, qua đó góp phần giải quyết được nhu cầu xử lý chất thải rắn một số địa bàn nông thôn theo hình thức xã hội hóa.

Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai thực hiện sâu rộng. Trong năm 2022 đăng ký thực hiện 75 phần việc thiết thực, các huyện thành/ hội đều đạt chỉ tiêu về đăng ký tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giúp 355 hộ đạt 8 tiêu chí 5 không 3 sạch duy trì và thành lập được nhiều mô hình, cách làm, hoạt động có hiệu quả<sup>9</sup>.... nhằm nâng cao nhận thức của phụ nữ, năng lực trách nhiệm của cán bộ hội các cấp trong việc tổ chức, triển khai thực hiện góp phần thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đến tháng hết năm 2022 đã có 39/60 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm, đạt 65%.

*(8) Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm*

<sup>8</sup> Tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến cuối năm 2022 là khoảng 92%; trong đó tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung là khoảng 13%. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt chuẩn quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia là khoảng 52%.

<sup>9</sup> Huy động phụ nữ tham gia trồng hoa, trồng cây xanh ven đường, con đường phụ nữ tự quản, tuyến đường hoa, đường treo cờ đồng bộ, thấp sáng đường quê, thu gom rác thải, hỗ trợ phụ nữ thoát nghèo, vận động phụ nữ mua thẻ bảo hiểm y tế, làm đường giao thông nông thôn, phụ nữ vun trồng tương lai, trao tặng thẻ bảo hiểm y tế...; Mô hình: nhà sạch vườn đẹp, bao rác tình thương, phụ nữ chung tay bảo vệ môi trường, chi hội phụ nữ 5 không 3 sạch, phân loại rác thải tại nhà gắn với vườn rau sạch hộ gia đình.



*đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã trong thời gian qua được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả; do đó số lượng và chất lượng cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định ngày càng cao<sup>10</sup>.

Các dịch vụ hành chính công tiếp tục được các địa phương cải thiện và nâng cao chất lượng hoạt động, thường xuyên rà soát thủ tục hành chính để kịp thời công bố mới, thay thế, bãi bỏ, rút ngắn thời gian giải quyết và cập nhật đầy đủ vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Từ đó, ngày càng tạo ra môi trường thuận tiện, nhanh gọn cho các giao dịch của người dân.

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc tại các địa phương về tiếp cận pháp luật đã được quan tâm, chú trọng; kịp thời giải đáp, tháo gỡ vướng mắc cho các đơn vị trong quá trình tổ chức đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Hầu hết các xã, đều nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa của việc triển khai nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến nay toàn tỉnh có 44/60 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 73,3%.

*(9) Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới*

Trong thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã tích cực phối hợp với UBND cùng cấp trong công tác tuyên truyền, triển khai các chủ trương về xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

*(10) Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn*

Công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong những năm qua cơ bản ổn định và giữ vững, nhất là khu vực biên giới. Các địa phương đã tập trung thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự, bảo vệ an toàn các mục tiêu, các hoạt động chính trị và chủ động tấn công tội phạm. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ hàng năm đều đạt kết quả tốt, hoàn thành việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu, duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định để không bị động bất ngờ trong mọi tình huống. Đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, hạn chế và giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ, đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là hoạt

<sup>10</sup> Công chức cấp xã hiện có: 721 người; trong đó, tỷ lệ đạt chuẩn về trình độ văn hóa: 721/721 người, chiếm tỷ lệ: 100%; trình độ chuyên môn: 721/721 người, chiếm tỷ lệ: 100%.

động theo nhóm “tín dụng đen”, bảo kê, đòi nợ thuê, trộm cắp tài sản, giết, cướp tài sản, tội phạm về ma túy....<sup>11</sup>.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự nông thôn gặp không ít khó khăn, vướng mắc như: địa phương có địa hình chia cắt phức tạp; dân cư ở rải rác không tập trung; trình độ nhận thức của người đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; dân cư từ các tỉnh khác di cư vào tỉnh ngày càng nhiều và phức tạp nên công tác tuyên truyền, quản lý và tuần tra bảo vệ quốc phòng, an ninh gặp nhiều khó khăn nhất là ở các vùng sâu, vùng biên giới;...Do vậy tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh là một trong những tiêu chí dễ biến động. Đánh giá theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến hết 2022 toàn tỉnh có 54/60 xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh, đạt 90%.

*11) Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*

Công tác kiểm tra, giám sát được các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cơ sở quan tâm triển khai thực hiện, từ đó đã tham mưu, giúp đỡ, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho các địa phương trong quá trình thực hiện Chương trình.

Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025” thì Chủ tịch UBND tỉnh cũng đã phát động phong trào thi đua “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới”. Phong trào thi đua đã được thực hiện sâu rộng, sôi nổi ở các cấp, các ngành, nhất là ở các địa phương; kết quả từ đầu năm 2021 đến nay đã có 05 tập thể, 04 cá nhân và 01 hộ gia đình được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới”.

<sup>11</sup> Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Tổ chức triển khai 12 mô hình dân vận khéo, tặng giống vật nuôi, vật dụng, phương tiện phát triển kinh tế, đồ dùng học tập với tổng số tiền 339.370.000đ, triển khai xây dựng 12 căn nhà nhà đồng đội, nhà tình nghĩa trị giá 1.035.000.000đ, cắt tóc cho 1.165 cháu học sinh, tổ chức khám bệnh, cấp phát thuốc cho 461 lượt người, phối hợp tặng 233 suất quà trị giá 98.000.000đ cho các đối tượng chính sách, phối hợp thăm, tặng quà dịp tết Choi Chnam Thmay của Vương quốc Campuchia với tổng số tiền 490.000.000đ. Trong dịp tết Nguyên đán Nhâm dần năm 2022 thăm tặng quà cho các đối tượng chính sách, người có công, giúp nhân dân phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo tại 16 thôn, bon. Tặng 1.541 suất quà, 1.447 bộ quần áo với tổng số tiền là 4.720.515.000; đẩy mạnh thực hiện mô hình “Hũ gạo vì người nghèo” đạt hiệu quả, tiết kiệm được 8.558kg gạo, trị giá 128.370.000đ; hỗ trợ “giảm hộ nghèo bền vững” 6.228kg, trị giá 98.370.000đ cho 19 hộ gia đình .

- Công an tỉnh: Tội phạm về TTXH đã giảm 16,67% so với năm 2021, điều tra làm rõ 277 vụ phạm pháp hình sự, đạt tỷ lệ 97,19%, riêng trọng án đạt 100%; tội phạm kinh tế, tham nhũng, chức vụ đã điều tra làm rõ 6 vụ 16 bị can về tội tham nhũng, chức vụ, thu hồi 100% tài sản tham nhũng; tổ chức đấu tranh hiệu quả với tội phạm về ma túy trên địa bàn (đã xác lập và đấu tranh 05 chuyên án, bắt 13 đối tượng vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy thu giữ 21,5 bánh heroin, 01 kg ma túy đá; lập hồ sơ đưa 62 trường hợp đi cai nghiện; quản lý 981 người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy ngoài cộng đồng); công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm đạt hiệu quả cao. Tiếp nhận, giải quyết tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được thực hiện nghiêm theo quy định của pháp luật, không để xảy ra oan sai và bỏ lọt tội phạm, đã tiếp nhận, xử lý 100% tin báo, tố giác tội phạm; giải quyết 968/1.029 tin, đạt 94,07%; bắt, vận động đầu thú 61/117 đối tượng truy nã.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN.**

##### **1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.**

###### **a) Những đóng góp của Chương trình mục tiêu quốc gia vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.**

- Cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp ngày càng khang trang và từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, dân sinh. Kinh tế nông thôn có bước tăng trưởng, sản xuất nông nghiệp hàng hóa liên kết theo chuỗi giá trị được hình thành và phát triển, nâng cao giá trị gia tăng, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Các lĩnh vực về giáo dục có sự phát triển cả về quy mô và chất lượng, y tế cơ sở được nâng cao chất lượng, đời sống văn hóa ở nông thôn, vệ sinh môi trường ở nông thôn được cải thiện, hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

- Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Vì người nghèo không để ai bị bỏ lại phía sau”,... tiếp tục có tác động mạnh mẽ tới cán bộ, đảng viên, nhất là quần chúng nhân dân trong việc tham gia đóng góp thực hiện Chương trình. Trong thời gian qua, người dân trên địa bàn tỉnh đã tích cực, chủ động tham gia đóng góp tiền bạc, ngày công, hiến đất đai, hoa màu,... quy đổi thành tiền được hàng trăm tỷ đồng để thực hiện Chương trình. Ngoài ra, người dân tự bỏ ra hàng ngàn tỷ đồng để chỉnh trang, xây dựng nhà cửa, giúp đỡ nhau về phát triển kinh tế, nâng cao công tác phát triển sản xuất,... góp phần giúp cho các địa phương thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí theo quy định.

- Nhìn chung, qua 03 năm triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, đặc biệt là hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chung của tỉnh. Các chính sách giảm nghèo đã thúc đẩy việc phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; làm thay đổi diện mạo nông thôn, miền núi có nhiều chuyển biến tích cực; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được hoàn chỉnh; đời sống người nghèo từng bước được cải thiện với việc tăng cường hỗ trợ các chiều thiếu hụt, tiếp cận thông tin, nguồn nước hợp vệ sinh,...

###### **b) Kết quả nổi bật trong thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia.**

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2021 và năm 2022 là trên 5%.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Tỷ lệ hộ nghèo chung trên địa bàn tỉnh đã giảm, đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 16/12/2021 về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông đề ra.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Toàn tỉnh đã có 35/60 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 58,3%; tỷ lệ bình quân mỗi xã đạt 16,58 tiêu chí nông thôn mới/xã (*tăng 13,48 tiêu chí so với lúc xuất phát*); thành phố Gia Nghĩa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 2/7 huyện có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

## **2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân.**

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Khó khăn, hạn chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình, nguồn vốn năm 2022 được Trung ương phân bổ vào cuối tháng 5 và tỉnh phân bổ kịp thời đúng thời gian quy định (trước ngày 01/7/2022); tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương chậm được ban hành nên địa phương khó khăn trong việc thực hiện. Hiện nay, còn một số văn bản về cơ chế, chính sách, định mức hỗ trợ thực hiện các nội dung dự án thành phần thuộc Chương trình thuộc thẩm quyền ban hành của trung ương chưa được ban hành cụ thể như:

+ Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg; trong đó, tại khoản 2 Điều 5 có quy định: “2. Đối với trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định”. Tuy nhiên, việc hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình theo khoản 2 Điều 5 Quyết định trên chưa thể thực hiện được do cơ chế đặc thù chưa được cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Đối với Dự án 1 (Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt): theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc: “...có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề”, tuy nhiên, nguồn vốn phân bổ cho nội dung hỗ trợ đất sản xuất là nguồn vốn đầu tư phát triển nhưng nội dung hỗ trợ chuyển đổi nghề thuộc nội dung chi của vốn sự nghiệp theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính. Do vậy, đối với các địa phương không có quỹ đất để bố trí đất sản xuất muốn chuyển sang hỗ trợ chuyển đổi nghề thì không có cơ sở pháp lý để chuyển vốn đầu tư phát triển sang thực hiện các nội dung chi thuộc vốn sự nghiệp.

+ Đối với Dự án 2 (Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết): quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án của một số dự án còn

gặp khó khăn, vướng mắc do nằm trong vùng quy hoạch thăm dò khai thác khoáng sản bauxit, quy hoạch 3 loại rừng. Do vậy, phải tiến hành rà soát quy hoạch, xin ý kiến Bộ, ngành trung ương, Sở, ngành liên quan; mặt khác đây là các dự án có tổng mức đầu tư lớn, phải thực hiện trình tự thủ tục lập dự án theo quy định, dẫn đến mất nhiều thời gian trong quá trình chuẩn bị đầu tư.

+ Đối với Tiểu dự án 4 Dự án 5 (Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp): Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ triển khai chương trình các cấp và cộng đồng đến nay chưa được Ủy ban Dân tộc ban hành, do vậy chưa có cơ sở để triển khai thực hiện.

+ Đối với Dự án 6 (Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch): theo Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phải thực hiện quy trình 14 bước đối với 01 dự án đầu tư xây dựng làng văn hóa truyền thống, trong đó có 02 bước (bước 6 và bước 8) phải trình Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện đối với các dự án đã phân cấp cho các huyện, thành phố.

+ Đối với Tiểu dự án 1 Dự án 9 (Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù) hiện nay chưa có quy định về định mức và hình thức hỗ trợ. Ngoài ra, để xác định đối tượng thụ hưởng dự án, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 1227/QĐ-TTg, ngày 14/7/2021, trong đó, có 32 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và 14 dân tộc có khó khăn đặc thù. Tuy nhiên, tại quyết định phê duyệt không có phụ lục chi tiết số lượng, thành phần dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và dân tộc có khó khăn đặc thù của các tỉnh nên địa phương không có cơ sở để xác định phê duyệt đối tượng thụ hưởng Chương trình.

+ Đối với Tiểu dự án 2 Dự án 10 (Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, do vậy chưa có cơ sở để tham mưu phê duyệt danh mục dự án, triển khai thực hiện tại địa phương.

Ngoài ra, hiện nay chưa có quyết định công nhận thôn thuộc vùng DTTS và miền núi nên chưa đầy đủ cơ sở phân bổ vốn, phê duyệt danh mục đầu tư, triển khai thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình đối với các thôn thuộc vùng DTTS nằm ngoài xã thuộc vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (tỉnh Đắk Nông có 25 xã không thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi, trong đó có 19 thôn đạt tiêu chí xác định thôn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi).

#### **- Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện, tích hợp từ nhiều chính sách dân tộc đang triển khai thực hiện và một số chính sách

mới, liên quan đến văn bản quy định, hướng dẫn của nhiều Bộ, ngành khác nhau. Chương trình lần đầu tiên được triển khai thực hiện nên việc xây dựng hệ thống văn bản về cơ chế, chính sách của trung ương và của tỉnh mất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, sau khi Chương trình được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến cuối tháng 5/2022 mới được giao kế hoạch vốn, dẫn đến địa phương khó khăn trong việc tổ chức triển khai thực hiện, bố trí vốn đối ứng Chương trình theo quy định. Để thực hiện Chương trình, số liệu báo cáo khả thi được xây dựng trên cơ sở số liệu cuối năm 2019; tuy nhiên, đến năm 2022 mới xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo kế hoạch vốn được giao nên việc xây dựng kế hoạch, cập nhật số liệu thực trạng kinh tế, xã hội làm cơ sở thực hiện Chương trình gặp khó khăn nhất định. Mặt khác, năm 2021-2022 tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến công tác tổ chức thực hiện Chương trình.

Về nguyên nhân chủ quan: Quá trình tham mưu triển khai thực hiện Chương trình của đội ngũ cán bộ, công chức và các cơ quan chuyên môn còn gặp một số khó khăn, lúng túng.

Ngoài ra, thực hiện quy định về phân cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân cấp cho cơ sở thực hiện Chương trình, tuy nhiên việc triển khai thực hiện ở cơ sở gặp nhiều khó khăn, do việc nắm bắt quy định và năng lực tổ chức thực hiện ở cơ sở (nhất là ở cấp xã) còn khó khăn, hạn chế.

#### **b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:**

- Khó khăn, hạn chế

Công tác thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh mặc dù đã đạt được những kết quả rất khả quan, đáng khích lệ; tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn gặp những khó khăn, hạn chế cụ thể như sau:

+ Một bộ phận cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và người dân chưa có nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của giảm nghèo, dẫn đến người nghèo, xã nghèo vẫn còn tình trạng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo. Các tổ chức, đoàn thể vẫn chưa triển khai một cách đồng bộ việc thực hiện phân công cụ thể đoàn viên, hội viên của tổ chức mình giúp đỡ các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

+ Công tác tuyên truyền, vận động chưa thường xuyên, kịp thời về các chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và nhà nước đối hộ nghèo.

+ Chương trình giảm nghèo là chương trình cần có sự điều hành đồng bộ, tính lồng ghép cao nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện thì các cơ quan quản lý triển khai các dự án, chính sách còn mang tính độc lập, riêng lẻ mà chưa có sự phối hợp; đặc biệt là các Dự án giảm nghèo của các tổ chức nước ngoài tài trợ, hỗ trợ triển khai thực hiện trên địa tỉnh.

+ Các thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp đã được phân công phụ trách địa bàn để chỉ đạo, theo dõi và giám sát nhưng thực hiện chưa thường

xuyên, kịp thời do công việc chuyên môn và kinh phí hoạt động còn hạn chế.

+ Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội - cơ quan Thường trực còn bị động trong quá trình tổng hợp, báo cáo do các ngành, các cấp chưa thường xuyên, kịp thời báo cáo để tổng hợp.

+ Tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025: *“Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo theo tính chất nguồn vốn, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn các tỉnh có huyện nghèo. Trong đó ưu tiên các trường có ngành, nghề trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương”*

Tại điểm a khoản 4 mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 quy định nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án 1 của Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: *“Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo”*; tại điểm c khoản 5 mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 quy định nội dung của Tiểu dự án 3 của Dự án 5 - Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: *“Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo”*.

Như vậy, đối tượng được thụ hưởng các nội dung hỗ trợ nêu trên theo quy định chỉ có “cơ sở giáo dục nghề nghiệp”. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, quy định *“Trung tâm là cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp công lập có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng”*. Do đó, trong quá trình triển khai địa phương gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, UBND tỉnh đã có Công văn số 2651/UBND-KT ngày 17/5/2023 báo cáo, xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

Ngoài các nguyên nhân khách quan về điều kiện sản xuất, xuất phát điểm về kinh tế thấp, nguồn kinh phí phân bổ hàng năm còn chậm và thiếu so với nhu

cầu thực tế, các điều kiện tạo sinh kế cho người dân không thuận tiện,...còn có các nguyên nhân chủ quan, cụ thể như sau:

+ Trong quá trình tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo ở một số địa phương còn lúng túng, còn tình trạng nể nang, né tránh, chưa kiên quyết trong công tác điều tra, rà soát và bình xét hộ nghèo dẫn đến còn sai, sót hộ nghèo; một số xã việc quản lý số liệu hộ nghèo chưa bảo đảm chặt chẽ, báo cáo số liệu hộ nghèo chưa thống nhất trong cấp ủy, chính quyền, đoàn thể.

+ Kỹ năng làm việc của cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và cán bộ được phân công làm công tác giảm nghèo tại thôn, bon còn hạn chế. Mặc dù đã triển khai tập huấn và hướng dẫn thông qua các mẫu biểu cụ thể nhưng khi thực hiện còn lúng túng, thiếu hoặc chưa chủ động trong việc phối hợp, bóc tách số liệu.

+ Bản thân một bộ phận người nghèo vẫn tồn tại tư tưởng ỷ lại, an phận, thiếu phương án làm ăn cụ thể, thiếu quyết tâm vươn lên thoát nghèo, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; còn tồn tại tâm lý e ngại việc đăng ký thoát nghèo.

+ Trong những năm qua, một số địa phương chỉ mới quan tâm, tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, thiếu sự quan tâm, tập trung đầu tư cho vấn đề về phát triển sản xuất, nâng cao và duy trì các nếp sống, lễ hội văn hóa và bảo vệ môi trường; chuyển đổi cơ cấu sản xuất ở nhiều địa phương còn mang tính tự phát, chạy theo thị trường, chưa có sự gắn kết với các doanh nghiệp; do đó thu nhập còn bấp bênh, không ổn định làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình của địa phương.

### **c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:**

- Công tác triển khai, quán triệt về Chương trình ở một số nơi, một số địa phương đôi lúc chưa kịp thời và mới chỉ dừng lại ở những vấn đề chung chung, thiếu chiều sâu, dẫn đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa hiểu đúng, hiểu đủ mục tiêu, nội dung của Chương trình. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp đôi khi còn chồng chéo, một số ngành chưa thực sự dành nhiều thời gian, quan tâm đến việc thực hiện Chương trình.

- Việc bố trí cán bộ phụ trách công tác tham mưu xây dựng nông thôn mới ở các cấp, nhất là ở cấp huyện và cấp xã còn bất cập và chủ yếu là làm kiêm nhiệm; trình độ năng lực cán bộ ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu và thường xuyên có sự thay đổi, luân chuyển. Đồng thời chưa có chính sách, chế độ đãi ngộ để khích lệ tinh thần và yên tâm công tác nên vấn đề tham mưu thực hiện Chương trình chưa cao, thiếu chiều sâu.

- Kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các địa phương có khoảng cách chênh lệch ngày càng lớn; chất lượng đạt chuẩn nhiều tiêu chí chưa cao, thiếu chiều sâu, chưa thật sự bền vững. Công tác duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới ở một số xã, huyện sau khi đạt chuẩn còn hạn chế, tinh thần



tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương có dấu hiệu chững lại.

- Toàn tỉnh đã có 35/60 xã đạt chuẩn; tuy nhiên đa số mới chỉ đạt được ở mức tối thiểu so với quy định của Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020. Vì vậy, sau khi rà soát, đánh giá sơ bộ theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 hầu như các xã chưa đảm bảo theo yêu cầu. Trong khi đó, tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương dự kiến hỗ trợ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 khoảng 467 tỷ đồng (*giảm 15% so với giai đoạn 2016-2020*) nên trong thời gian tới sẽ gặp rất nhiều khó khăn, thách thức để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí.

- Các xã chưa đạt chuẩn còn lại là những xã khó khăn; trong khi đó ngân sách nhà nước bố trí cho Chương trình rất ít, chưa đáp ứng nhu cầu; vốn huy động trong nhân dân còn hạn chế. Mặt khác, hiện nay tại các xã đặc biệt khó khăn đang được sự quan tâm, ưu tiên các cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù; vì vậy tại một số xã, một số hộ gia đình đang có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước, chưa chủ động, phấn đấu vươn lên để thoát nghèo. Vì vậy, kết quả đạt được ở những nơi này có sự chuyển biến chậm và có sự chênh lệch ngày càng lớn đối với các địa phương khác.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 có nhiều điểm mới và đòi hỏi khắt khe hơn, nâng cao chất lượng hơn so với giai đoạn 2016-2020 như: nội dung thực hiện Chương trình tăng 23 nội dung nhỏ so với giai đoạn 2016-2020; các Bộ tiêu chí đều tăng số lượng chỉ tiêu và mức độ đạt chuẩn so với giai đoạn 2016-2020. Do đó, trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn, thách thức trong việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Về vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*b) Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% đến dưới 80%: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh (tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1).*”

Bộ Y tế có Công văn số 2811/BYT-KHTC ngày 11/5/2023, hướng dẫn triển khai Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vốn vay ODA của Ngân hàng ADB có nội dung sau: Đối với nguồn vốn đối ứng, theo quy định của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, phần chi trả thuế VAT sẽ do ngân sách địa phương bố trí.

Do đó, hiện nay địa phương gặp vướng mắc trong việc cân đối nguồn lực bố trí vốn đối ứng đối với Chương trình này là theo tỷ lệ 1:1 hay là theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

#### IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

*Thứ nhất:* Sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò của người đứng đầu thực sự quan tâm, vào cuộc quyết liệt, thường xuyên thì sẽ tạo ra sự chuyển biến rõ nét. Bên cạnh đó, việc phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền các cấp đã tạo ra sức sáng tạo tại mỗi địa phương, trong đó, vai trò chỉ đạo, vào cuộc của chính quyền cấp huyện có ý nghĩa quan trọng góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới.

*Thứ hai:* Phát huy vai trò tự lực, tự cường của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong phát động, tham gia hưởng ứng các Phong trào xây dựng nông thôn mới ở cơ sở; đặc biệt, việc lấy ý kiến hài lòng của người dân khi xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đã tạo ra hiệu ứng rất tốt trong xã hội, giúp chính quyền các cấp có cơ sở khi quyết định công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

*Thứ ba:* Có quan điểm đúng đắn, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; xác định rõ xây dựng nông thôn mới là Chương trình có tác động lớn, toàn diện đến xã hội nông thôn; cần huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc một cách quyết liệt, với phương châm: “Dựa vào dân để lo cuộc sống cho dân”, “Nâng đầu đở cuối, tất cả cùng tiến bộ, phát triển”, “Dừng lại là rút chuẩn”, luôn quán triệt phương châm “Nông thôn mới có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc”.

*Thứ tư:* Quá trình thực hiện, phải đặc biệt quan tâm công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, ý thức của đội ngũ cán bộ, người dân và cộng đồng, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện. Biết lựa chọn các nội dung trọng tâm, gắn với lợi ích thiết thực của người dân, cộng đồng và kiên trì tổ chức thực hiện; xây dựng mô hình, điển hình tốt, thuyết phục để nhân rộng; phải luôn biết “giữ lửa” cho phong trào xây dựng nông thôn mới.

*Thứ năm:* Có cơ chế, cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực, nhất là nguồn xã hội hóa, ngân sách nhà nước chủ yếu mang tính hỗ trợ, kích hoạt, thường theo kết quả đầu ra, phân cấp, trao quyền chủ động cho cơ sở, người dân và cộng đồng, ngoài huy động nguồn lực trực tiếp của người dân, huy động sự hỗ trợ của con em xa quê, sự hỗ trợ của các lực lượng vũ trang, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, xem đây là nhiệm vụ chính trị của các tổ chức này.

*Thứ sáu:* Tăng cường sinh hoạt, đối thoại, phát huy cao dân chủ cơ sở; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tạo sự tin tưởng của người dân, cộng đồng và toàn xã hội.

*Thứ bảy:* Tiếp cận xây dựng nông thôn mới ở cấp xã là hoàn toàn phù hợp, nhưng đối với tỉnh Đắk Nông do địa bàn rộng, dân cư phân tán, suất đầu tư cao, cần kết hợp chặt chẽ với phát huy vai trò cộng đồng từ cấp thôn bản trong xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, cần kết hợp triển khai đồng bộ, hiệu quả xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản và khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

*Thứ tám:* Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn

cho cơ sở; định kỳ đánh giá, chấn chỉnh kịp thời những yếu kém, lệch lạc, kiên quyết thu hồi Bằng công nhận đạt chuẩn nếu để “rớt” chuẩn. Quan tâm đúng mức việc sơ, tổng kết, đánh giá và khen thưởng, vinh danh kịp thời các tập thể, cá nhân điển hình, tạo phong trào thi đua mạnh mẽ, rộng khắp.

## **Phần thứ hai**

### **ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2023-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030**

#### **I. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2023-2025**

**1. Mục tiêu, nhiệm vụ và mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ từng Chương trình mục tiêu quốc gia đến năm 2025.**

**a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**\* Mục tiêu:**

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn là 5%; phân đầu xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 7 xã, đạt tỷ lệ là 58,33%; thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 20 thôn, đạt tỷ lệ là 50%;

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hoá; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III) và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào;

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%;

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các

dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 20,2%;

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ; bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

#### **\* Các chỉ tiêu**

- Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ dân tộc thiểu số. Trong đó, giải quyết đất ở cho 352 hộ; giải quyết nhà ở cho 538 hộ; hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 533 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề 1.167 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 3.972 hộ; đầu tư hỗ trợ xây dựng 12 công trình nước sinh hoạt tập trung.

- Thực hiện 10 dự án Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; trong đó, sắp xếp, ổn định dân cư cho hơn 12.516 hộ; bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do cho hơn 10.385 hộ; bố trí định canh, định cư cho hơn 483 hộ dân tộc thiểu số; bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn và khu vực cần thiết khác cho hơn 1.648 hộ.

- Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; trong đó, giao khoán bảo vệ rừng khoảng 4.844 ha/năm; bảo vệ rừng khoảng 7.279 ha/năm; khoanh nuôi tái sinh rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung với tổng diện tích khoảng 80 ha; trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất khoảng 200 ha; phát triển lâm sản ngoài gỗ tổng diện tích là 1.000 ha.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp; đầu tư phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Đắk Glong.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Trong đó, đầu tư xây dựng trên 47 km đường giao thông xã và liên xã; khoảng 288 km giao thông thôn và liên thôn; đầu tư xây dựng mới 05 chợ và nâng cấp sửa chữa 02 chợ thuộc vùng dân tộc thiểu số.

- Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 08

trường phổ thông Dân tộc nội trú, 02 trường bán trú trên địa bàn tỉnh.

- Tối thiểu 80% cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4 của cấp huyện, cấp xã tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

- Đào tạo nghề cho khoảng 90.000 lao động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 27.000 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức khoảng 34 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ 04 cuộc khảo sát, kiểm kê, sưu tầm văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; bảo tồn 05 lễ hội truyền thống phục vụ phát triển du lịch; 02 chương trình hỗ trợ nghiên cứu phục hồi bảo tồn phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; xây dựng 01 mô hình bảo vệ phát huy văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số; xây dựng 08 câu lạc bộ văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ hoạt động cho 32 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đầu tư xây dựng 05 điểm đến du lịch tiêu biểu trên địa bàn tỉnh, xây dựng tư liệu về văn hóa truyền thống; tổ chức hội thi, hội thao, ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số định kỳ; Chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư phát triển 04 bon văn hóa truyền thống gắn với du lịch cộng đồng; hỗ trợ tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia và hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- 100% Trạm Y tế có bác sĩ, nhân viên y tế và đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Ít nhất 90% xã được công nhận đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế; 100% thôn, buôn, tổ dân phố, cụm dân cư có nhân viên y tế hoặc cộng tác viên y tế - dân số; tỷ lệ 100% trạm y tế xã được kiên cố hóa, đạt chuẩn y tế quốc gia; 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; 81,5% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ; sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; phần đầu đạt  $\geq 90\%$  phụ nữ có thai được khám thai định kỳ; sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc thiểu số suy dinh dưỡng thể nhẹ cân  $\leq 20,2\%$ ; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc thiểu số suy dinh dưỡng thể thấp còi  $\leq 31,4\%$ ; giảm tỷ số tử vong mẹ tại khu vực miền núi xuống còn 50 ca trên 100.000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất chết của trẻ dưới 1 tuổi tại khu vực miền núi còn 17‰; giảm tỷ lệ phụ nữ vị thành niên sinh con khu vực miền núi còn 6,5‰. 100% người DTTS được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Thành lập và duy trì hoạt động 9.000 Tổ tuyên truyền cộng đồng; 3.000 Tổ vay vốn tiết kiệm thôn, bản; 500 Tổ/nhóm sinh kế có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ; 1000 địa chỉ tin cậy cộng đồng được củng cố; 80% phụ nữ nhóm dân tộc có tỷ lệ sinh con tại nhà cao được tuyên truyền, vận động, tư vấn kiến thức và tiếp cận với dịch vụ sinh đẻ an toàn; 1.800 CLB thủ lĩnh của sự

thay đổi của trẻ em được thành lập và hỗ trợ tổ chức hoạt động; 4.400 cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn, bon được tổ chức tại các địa bàn đặc biệt khó khăn và 2000 cán bộ nữ DTTS cấp huyện, cấp xã (gồm: cán bộ nữ trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, cán bộ nữ mới bổ nhiệm, cán bộ nữ mới trúng tuyển lần đầu).

- Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế cho hộ nghèo các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn gồm: M'Nông, Mông, Mạ, Tày, Nùng, Dao, Ê đê, Sán Chay (Cao Lan, Sán chỉ) trên địa bàn các xã khu vực III và các thôn, bon, buôn đặc biệt khó khăn.

- Đến năm năm 2025, trên 90% cán bộ, công chức làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn; 100% trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và cộng đồng các xã có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống được tuyên truyền, cung cấp thông tin,...Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với địa bàn dân tộc thiểu số có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao. Đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức.

## **b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

### **\* Mục tiêu:**

- Mục tiêu tổng quát: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo; tạo sinh kế và tạo điều kiện tốt nhất để người nghèo được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo hướng toàn diện; cải thiện tốt nhất đời sống vật chất - tinh thần cho mọi người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, đưa Đắk Nông “trở thành tỉnh trung bình khá vào năm 2025 và tỉnh phát triển khá vào năm 2030 của vùng Tây Nguyên”.

- Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm từ 3% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo chuẩn nghèo áp dụng giai đoạn 2021-2025).

### **\* Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025**

#### *(1) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu*

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập được hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản sẽ được hỗ trợ một phần để từng bước cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

- 100% các xã thuộc huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Phần đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- Phần đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

*(2) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản*

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Tối thiểu có 4.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

+ Tối thiểu có 500 người lao động tại các xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 100 lao động thuộc hộ nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng .

- Chiều thiếu hụt về y tế:

+ 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện

nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo xuống dưới 34%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%.

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%; trong đó, có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%. 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Tối thiểu 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

- Triển khai thực hiện chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận chính sách.

### **c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Mục tiêu về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 và Tỉnh ủy Đắk Nông đề ra tại Nghị quyết số 12/NQ/TU ngày 16/12/2021 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Có ít nhất 43 xã (71,7%) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 12 xã (27,9%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ít nhất 03 xã (7%) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phần đầu có thêm ít nhất 2 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Nhằm phần đầu hoàn thành các mục tiêu được giao, ngày 18/10/2022 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1700/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, đã tổ chức đánh giá, rà soát và lựa chọn các địa phương có khả năng đạt chuẩn theo các Bộ tiêu chí để tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời đã đề ra các giải pháp cụ thể nhằm phần đầu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, các đơn vị, địa phương đang cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ nhằm tập trung, dồn toàn lực để thực hiện trong giai đoạn 2023-2024,



tạo tiền đề đến năm 2025 hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Tuy nhiên qua rà soát, đánh giá nhận thấy mức độ đạt chuẩn của các Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 đòi hỏi khắt khe, các Bộ tiêu chí đều tăng số lượng chỉ tiêu và mức mức độ đạt chuẩn, nhất là Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Mặt khác, kết quả thực hiện theo các Bộ tiêu chí nông thôn mới đến thời điểm hiện nay các địa phương đạt kết quả rất thấp, nhất là các xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Do đó, dự kiến kết quả đạt được theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao sẽ khó đảm bảo theo chỉ tiêu được giao.

## **2. Cân đối nguồn lực từ ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực khác và sử dụng nguồn lực.**

Trong giai đoạn 2024-2025, Tỉnh tiếp tục cân đối nguồn ngân sách địa phương để thực hiện bố trí đối ứng đảm bảo theo các quy định tại các Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, số 02/2022/QĐ-TTg, số 07/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## **3. Các nhiệm vụ trọng tâm cần hoàn thành trong giai đoạn 2023-2025 theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia.**

### **a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình, qua đó đến năm 2025 đạt mục tiêu đề ra, cụ thể: (1) giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi/năm trong giai đoạn là 5%. (2) Xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 7 xã, đạt tỷ lệ là 58,33%. (3) Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 20 thôn, đạt tỷ lệ là 50%.

### **b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm từ 3% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo chuẩn nghèo áp dụng giai đoạn 2021-2025).

100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập được hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập.

100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản sẽ được c hỗ trợ một phần để từng bước cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

100% các xã thuộc huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh

nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

### **c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

- Tiếp tục nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách, các văn bản pháp lý phù hợp với tình hình mới và điều kiện thực tế tại địa phương để tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả Chương trình trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền để làm chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục tổ chức thực hiện mạnh mẽ, sâu rộng phong trào thi đua “Đấu Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025 và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về xây dựng nông thôn mới; chú trọng tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu theo các nội dung cụ thể, chuyên đề phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của địa phương.

- Rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn để điều chỉnh phù hợp với giai đoạn mới nhằm xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình, các dự án đang thực hiện trên địa bàn để thực hiện các nội dung, mục tiêu chung của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Ban hành các chính sách, quy chế phù hợp để huy động sự vào cuộc, đóng góp tích cực hơn nữa từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế,... nhất là từ cộng đồng dân cư trong việc triển khai các nội dung của Chương trình.

- Tập trung đầu tư cơ bản hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng ở nông thôn, đảm bảo đồng bộ, từng bước hiện đại, liên kết giữa các vùng, khu vực và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị để đảm bảo duy trì ổn định đầu ra cho các sản phẩm, nâng cao hơn nữa thu nhập và chất lượng sống của người dân nông thôn. Tập trung xây dựng các mô hình về phát triển du lịch theo hướng du lịch trải nghiệm nông thôn mới gắn với tham quan các danh lam, thắng cảnh, các lễ hội văn hóa của địa phương.

- Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả, có chất lượng 6 Chương trình chuyên đề trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh: Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Chương trình phát triển du lịch nông thôn; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Chương trình

chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ, hiệu quả các Bộ tiêu chí nông thôn mới: Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Bộ tiêu chí vườn mẫu - rẫy mẫu, Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

#### **4. Giải pháp quản lý, tổ chức thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia**

*Một là*, tăng cường quán triệt, thông tin, truyền thông, phổ biến pháp luật, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân về các Chương trình MTQG nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong triển khai thực hiện các Chương trình MTQG.

*Hai là*, thường xuyên theo dõi, kịp thời nắm bắt tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị, địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị thực hiện; tăng cường phân cấp, trao quyền, tạo sự chủ động cho cơ sở; trong quá trình thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai và minh bạch; tăng cường sự lồng ghép thực hiện các dự án. Đồng thời, tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện đạt hiệu quả các Chương trình MTQG.

*Ba là*, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các ngành, các cấp phối hợp, triển khai hiệu quả Chương trình; khẩn trương thực hiện tốt việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án; đôn đốc các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, dự án thành phần, giải ngân những nội dung/hạng mục đã hoàn thành nghiệm thu theo quy định; phấn đấu đến cuối năm 2023 tỷ lệ giải ngân vốn đạt kết quả cao. Đồng thời, rà soát danh mục dự án đầu tư đảm bảo phù hợp với mục tiêu của từng Chương trình.

*Bốn là*, chỉ đạo các đơn vị đẩy nhanh tiến độ giải ngân, phân đấu giải ngân hết số vốn được phân bổ; kết quả giải ngân của các Chương trình MTQG được phân công theo dõi là căn cứ chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch giải ngân theo tiến độ đề ra sẽ kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân liên quan.

*Năm là*, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát thực hiện Chương trình định kỳ hoặc đột xuất để kịp thời nắm bắt khó khăn và tháo gỡ để các đơn vị triển khai thực hiện.

*Sáu là*, tiếp tục kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc như đã nêu ở trên để triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh đạt kết quả.

## II. ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030

### 1. Đề xuất các Chương trình mục tiêu quốc gia cần thực hiện trong giai đoạn.

Trong giai đoạn 2026 - 2030 đề xuất tiếp tục thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tương tự như trong giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, để tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ và tránh sự chồng chéo và thuận lợi cho các cấp cơ sở trong quá trình tổ chức thực hiện; đề xuất các Bộ, ngành trung ương cần nghiên cứu quy định, giải quyết một số vấn đề như sau:

- Về cơ chế quản lý, sử dụng các nguồn vốn: Đề xuất quy định một cơ chế quản lý, sử dụng chung nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện chung cho các Chương trình MTQG ; tránh tình trạng mỗi Chương trình ban hành một cơ chế, quy định riêng; như vậy sẽ gây nhiều khó khăn cho các địa phương trong quá trình áp dụng thực hiện; đồng thời tạo ra sự chồng chéo, mâu thuẫn, bất đồng tại khu vực nông thôn, dẫn tới giảm hiệu quả quá trình tuyên truyền, vận động đóng góp của người dân để thực hiện các nội dung của từng Chương trình.

- Về quy định nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương: Đối với các địa phương còn gặp nhiều khó khăn như tỉnh Đắk Nông, đề xuất xem xét quy định giảm tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương so với ngân sách trung ương hỗ trợ nhằm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương (*trong giai đoạn 2021-2025 quy định tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương với ngân sách trung ương bố trí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo tỷ lệ 1:1 là quá cao so với điều kiện thực tế và khả năng cân đối của tỉnh*). Do đó, đề xuất tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giống như chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững (*NSDP đối ứng tối thiểu 10%*).

### 2. Đề xuất cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình.

- Tập trung vào các vấn đề: Lập, phê duyệt, giao kế hoạch; huy động nguồn lực; cơ chế quản lý nguồn lực, các quy định về tổ chức thực hiện; tổ chức bộ máy; theo dõi, giám sát, đánh giá các Chương trình.

- Trường hợp có đề xuất cơ chế đặc thù riêng áp dụng tại địa phương, cần làm rõ sự cần thiết và tính đặc thù của cơ chế đề xuất so với quy định của pháp luật hiện hành.

- Đề xuất tiếp tục thực hiện Bộ máy chỉ đạo điều hành và cơ quan tham mưu giúp việc các cấp tương tự giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, để tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ công tác chỉ đạo điều hành và tham mưu giúp việc; đề xuất các Bộ ngành, trung ương nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy định Bộ máy theo hướng như sau:

+ Đối với Ban Chỉ đạo các cấp: Thành lập 01 Ban Chỉ đạo ở các cấp để chỉ đạo, điều hành chung các Chương trình MTQG. Tuy nhiên, để huy động được sự vào cuộc của tất cả các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp thì nên quy

định đồng chí Bí thư ở các cấp (tỉnh, huyện, xã) làm Trưởng Ban Chỉ đạo.

+ Đối với Bộ máy tham mưu, giúp việc các cấp:

a) Đối với cấp tỉnh, huyện: Đề xuất thành lập 01 cơ quan để tham mưu, giúp việc chung trong việc thực hiện các Chương trình MTQG ; đồng thời quy định rõ vị trí pháp lý, tổ chức bộ máy, biên chế,...chung cho tất cả các tỉnh để áp dụng tổ chức hiện theo 01 mô hình chung của toàn quốc.

b) Đối với cấp xã: Đề xuất quy định, bố trí mỗi xã ít nhất có 2-3 cán bộ làm chuyên trách trong việc tham mưu thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030.

### Phần thứ ba

## ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ VỚI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

### I. KIẾN NGHỊ VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

#### 1. Cơ chế chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chung cho các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 có nhiều điểm mới và đòi hỏi khắt khe, nâng cao chất lượng hơn so với giai đoạn 2016-2020. Nội dung thực hiện Chương trình tăng 23 nội dung nhỏ so với giai đoạn 2016-2020; các Bộ tiêu chí đều tăng số lượng chỉ tiêu và mức độ đạt chuẩn so với giai đoạn 2016-2020, trong đó Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao yêu cầu rất cao, khó thực hiện đảm bảo mục tiêu được giao. Đối với tỉnh Đắk Nông qua rà soát, đánh giá kết quả theo các Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thì các xã dự kiến phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao đến nay đạt thấp, cụ thể: bình quân mỗi xã mới chỉ đạt 7,6 tiêu chí/xã (số xã đạt từ 15-18 tiêu chí có 2 xã; đạt từ 10-14 tiêu chí có 10 xã; đạt từ 5-9 tiêu chí có 17 xã; đạt dưới 5 tiêu chí có 6 xã). Do đó, về chỉ tiêu đến năm 2025 có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là rất khó hoàn thành.

Vì vậy, để thực hiện hiệu quả, chất lượng, đúng thực chất và tránh chạy theo thành tích trong việc thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tham mưu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh giao chỉ tiêu về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (tại Quyết định 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022) đối với tỉnh Đắk Nông từ 27,9% (12 xã) xuống còn 16,3% (7 xã) để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương tại thời điểm hiện nay.

- Để thuận lợi cho các cấp, các ngành ở các địa phương (nhất là ở cấp cơ sở) trong việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình MTQG nói chung và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nói riêng; kính đề nghị các Bộ, ngành có liên quan (nhất là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cần thống nhất, xây dựng một

hệ thống đề cương, mẫu biểu báo cáo chung và áp dụng xuyên suốt cho cả giai đoạn; tránh tình trạng mỗi Bộ, ban, ngành và mỗi thời điểm lại yêu cầu báo cáo theo mẫu đề cương, hệ thống mẫu biểu khác nhau. Như vậy, sẽ rất khó cho các đơn vị, địa phương trong việc tổng hợp, thu thập thông tin, số liệu để báo cáo và mất nhiều thời gian để thực hiện; đồng thời sẽ không có được định hướng chung trong quá trình tham mưu, thực hiện theo các yêu cầu của các Chương trình.

## II. CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC

### 1. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế:

Hướng dẫn địa phương về việc bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vốn vay ODA của Ngân hàng ADB (thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025) thực hiện là theo tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương 1:1 quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ hay là theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

### 2. Đề nghị Ủy ban Dân tộc:

- Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT của Ủy ban Dân tộc có quy định: “...có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề”, đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ, ngành trung ương hướng dẫn việc chuyển nguồn vốn được phân bổ thực hiện hỗ trợ đất sản xuất (vốn đầu tư) sang hỗ trợ chuyển đổi nghề (vốn sự nghiệp) để có cơ sở pháp lý, tham mưu triển khai thực hiện đối với các địa phương không còn quỹ đất để bố trí đất sản xuất.

- Để triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1 tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định mức hỗ trợ thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, tuy nhiên tại khoản 2 Điều 5 có quy định: “Đối với trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định”, kiến nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành về cơ chế đặc thù thực hiện và quy trình, thủ tục thanh quyết toán đối với nội dung sử dụng vốn đầu tư hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình về đất ở, nhà ở, đất sản xuất nhưng không lập dự án đầu tư. Tỉnh Đắk Nông kiến nghị các Bộ, ngành trung ương sửa đổi quy định theo hướng: đối với trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình về đất ở, nhà ở, đất sản xuất thì không thực hiện theo cơ chế vốn đầu tư mà chuyển sang bố trí vốn thực hiện theo chế độ cấp phát (tương tự như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững).

Đồng thời, đối với việc hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người nghèo theo quy định phải xây dựng trên đất quy hoạch khu dân cư hoặc đất có thổ cư; tuy

nhiên những hộ nghèo trên địa bàn tỉnh phần lớn sinh sống phân tán trên đất nông nghiệp, không được quy hoạch điểm dân cư nông thôn, không có điều kiện kinh tế để chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất thổ cư theo quy định, dẫn đến gặp khó khăn trong việc thực hiện; đề nghị Ủy ban Dân tộc có hướng dẫn về nội dung hỗ trợ nhà ở xây dựng trên đất nông nghiệp.

- Ban hành Bộ tài liệu đề địa phương có cơ sở triển khai thực hiện đào tạo bồi dưỡng cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện chương trình các cấp.

- Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về định mức và hình thức thực hiện để kịp thời thực hiện tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9.

- Phê duyệt danh sách các thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số theo kết quả rà soát quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025.

- Phê duyệt, hướng dẫn hoặc thông báo thành phần, số lượng các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong tổng số 32 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn việc lồng ghép nguồn vốn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022.

### **3. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

Xem xét hướng dẫn, phân cấp cho tỉnh thẩm định danh mục các dự án đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022.

### **4. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

Xem xét, tham mưu điều chỉnh giao chỉ tiêu về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Nông từ 12 xã xuống còn 7 xã để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

### **5. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:**

Ban hành văn bản hướng dẫn Tiểu dự án 2 Dự án 10 về ứng dụng công nghệ thông tin để địa phương triển khai thực hiện kịp thời.

### **6. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội:**

- Sớm có ý kiến hướng dẫn về đối tượng được thụ hưởng các nội dung hỗ trợ “*cơ sở giáo dục nghề nghiệp*” như kiến nghị UBND tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 2651/UBND-KT ngày 17/5/2023.

- Hướng dẫn việc lồng ghép nguồn vốn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022.

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026- 2030, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

*Nguyễn*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, LĐ-TB&XH, TT&TT, VH-TT&DL;
- Ban dân tộc;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Văn Chiến*  
**Lê Văn Chiến**



**Phụ lục I**

**VĂN BẢN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO CƠ QUAN CHỦ QUẢN CHƯƠNG TRÌNH BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 39, ĐIỀU 40 NGHỊ ĐỊNH SỐ 27/2022/NĐ-CP**

*(Kèm theo báo cáo số 35/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

Stt	Tên loại văn bản	Cơ quan ban hành	Số Ký hiệu
<b>I</b>	<b>VĂN BẢN NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NSNN; GIAO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH (KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN, KẾ HOẠCH HÀNG NĂM)</b>		
<b>a</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>		
1	Về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022
2	Về sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 và Điều 11 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022
3	Nghị quyết, ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 6 năm 2022
4	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Số 04/2022/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 6 năm 2022
<b>b</b>	<b>Văn bản thông thường</b>		
1	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/6/2022
2	Nghị quyết về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022.	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/6/2022
3	Về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022	UBND tỉnh	Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 28/6/2022
4	Về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022
5	Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 2 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 14/12/2022
6	Điều chỉnh một số nội dung tại Điều 2 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 14/12/2022
7	Về việc điều chỉnh khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 23/12/2022
8	về việc điều chỉnh điểm 1.1 khoản 1 mục II Điều 1 Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022.	UBND tỉnh	Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 23/12/2022
9	Về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 14/12/2022
10	Về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023	UBND tỉnh	Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15/12/2022



Stt	Tên loại văn bản	Cơ quan ban hành	Số Ký hiệu
11	Nghị quyết về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Số 06/NQ-HĐND ngày 25/4/2023
12	Phân khai vốn đầu tư thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện các Chương trình chuyên đề nông thôn mới năm 2022	UBND tỉnh	Số 1776/QĐ-UBND ngày 14/11/2022
13	Kế hoạch, về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Số 492/KH-UBND ngày 25/8/2023
14	Kế hoạch, về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Số 219/KH-UBND, ngày 11/4/2023
15	Kế hoạch, về thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Số 132/KH-UBND, ngày 11/3/2022
16	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Kế hoạch số 589/KH-UBND ngày 14/10/2022
17	Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Kế hoạch số 637/KH-UBND ngày 03/11/2022
18	Triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023	UBND tỉnh	Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 06/4/2023
19	Kế hoạch triển khai Quyết định số 1689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25 của Quốc hội về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh	Kế hoạch Số 884/KH-UBND ngày 20/12/2021
20	Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022	UBND tỉnh	Kế hoạch Số 221/KH-BCĐ ngày 04/5/2022
21	Triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023	Ban chỉ đạo tỉnh	Số 207/KH-BCĐ ngày 06/4/2023
<b>II</b>	<b>VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP TRONG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH</b>		
<b>a</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>		
1	Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022
<b>b</b>	<b>Văn bản thông thường</b>		
<b>III</b>	<b>VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ LỒNG GHÉP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH</b>		
<b>a</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>		
1	Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022
<b>b</b>	<b>Văn bản thông thường</b>		
<b>IV</b>	<b>VĂN BẢN VỀ HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG (VỐN TÍN DỤNG, VỐN HUY ĐỘNG HỢP PHÁP KHÁC) (NẾU CÓ)</b>		
<b>a</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>		
<b>b</b>	<b>Văn bản thông thường</b>		
<b>V</b>	<b>VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐTXD QUY MÔ NHỎ, KỸ THUẬT KHÔNG PHỨC TẠP (NẾU CÓ)</b>		
<b>a</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>		
1	Ban hành Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 21/02/2023
<b>b</b>	<b>Văn bản thông thường</b>		
1	Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 18/10/2022

Stt	Tên loại văn bản	Cơ quan ban hành	Số Ký hiệu
2	Ban hành thiết kế mẫu - thiết kế điển hình đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 03/02/2023
<b>VI</b>	<b>VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT</b>		
<b>a</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>		
1	Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND Ngày 25/4/2023
2	Ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023
<b>b</b>	<b>Văn bản thông thường</b>		
<b>VII</b>	<b>VĂN BẢN VỀ KIẾN TOÀN, THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO, BỘ PHẬN GIÚP VIỆC BAN CHỈ ĐẠO CÁC CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG</b>		
<b>a</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>		
<b>b</b>	<b>Văn bản thông thường</b>		
1	Quyết định về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông;	UBND tỉnh	Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
2	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông;	BCĐ các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông	Quyết định số 722/QĐ-BCĐ ngày 18/4/2022
3	Quyết định về ban hành Chương trình công tác năm 2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông;	BCĐ các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông	Quyết định số 1053/QĐ-BCĐ ngày 24/6/2022
4	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông	Ban Dân tộc tỉnh	Quyết định số 170/QĐ-BDT ngày 23/02/2022
5	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông	Ban Dân tộc tỉnh	Quyết định số 171/QĐ-BDT ngày 23/02/2022
6	Kiện toàn Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh	Số 1238/QĐ-UBND ngày 27/7/2022
<b>IX</b>	<b>VĂN BẢN BAN HÀNH CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (NẾU CÓ)</b>		
<b>a</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>		
1	Nghị quyết, quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022
2	Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	HĐND tỉnh	Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND Ngày 25/4/2023
3	Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020	Hội đồng nhân dân tỉnh	Số 05/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023
<b>b</b>	<b>Văn bản thông thường</b>		
1	Nghị quyếtn về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	Tỉnh ủy Đắk Nông	Số 13-NQ/TU ngày 16/12/2021
2	Kế hoạch, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh	Số 629/KH-UBND ngày 28/10/2022